RICHDADLOC

5 ĐIỀU TẠO NÊN HẠNH PHÚC TRỌN VẸN

NGŨ PHÚC

Phúc Lộc Thọ Hỷ Tài

福 祿 壽 囍 財

LỜI MỞ ĐẦU

Sống hạnh phúc là điều chẳng ai không mong ước. Đón đợi hạnh phúc, con người thường tạo ra những vật tượng trưng cho hạnh phúc, không những là vật đeo trên người mà còn là những vật trang trí trong nhà. Người Đông Á, Trung Quốc, Nhật Bản, Đại Hàn và Việt Nam, có chung một gốc văn hóa, nên dùng chung những hình tượng trang trí, tiêu biểu cho hạnh phúc, trong ngôn ngữ, tiểu công nghệ, kiến trúc và cả trong những vật dụng hàng ngày.

Trải qua hàng ngàn năm, mối tương quan của những vật trang trí này với ý nghĩa mong đợi hạnh phúc, dường như phai nhạt, cũng như việc chuyển ngữ từ tiếng Trung Quốc sang tiếng khác có thể làm sai lạc ý nghĩa của hình tượng biểu thị chữ phúc, nhưng nhiều hình tượng cổ vẫn còn thông dụng. Tỷ như trên nhiều bức trạm, người ta thường thấy hình con năm con giơi, để tượng trưng cho *ngũ phúc,* tức năm điều hạnh phúc; nhưng không mấy ai còn nhớ con giơi, viết theo chữ Trung Quốc 蝠 đồng âm với 福 cùng đọc là *fú,* cùng có chữ phú để ghi âm, nhưng có bộ *trùng* để chỉ con giơi và có bộ *kì* để biểu thị chữ phúc. Sang tiếng Việt, chữ 蝠 đọc là *bức* và chữ 福 đọc là *phúc,* tuy nhiên hình tượng năm con giơi vẫn biểu thị năm điều hạnh phúc của chung người Trung Quốc và người Việt Nam: **Phúc, lộc, thọ, hỷ và tài.**

Hình 1: Năm Cánh Giơi Chầu Chữ Thọ

Cuốn Ebook này trình bày mối tương quan giữa một số hình tượng thông thường biểu thị năm điều hạnh phúc kể trên, cùng những truyện truyền kỳ liên hệ tới những hình tượng đó mà ngày nay ngay tại những đô thị Âu Mỹ ngày Tết người Đông Á vẫn còn dùng để đón xuân.

Hình 2: Ngũ Phúc

Tôi, RichdadLoc - Người sưu tầm nội dung từ trên Internet và biên tập lại cuốn Ebook này mong muốn mang đến cho bạn sự thành công trong năm mới.

福 Phúc

Hình 3: Chữ Phúc Đảo Ngược.

Chữ Phúc tiêu biểu cho *may mắn sung sướng,* thường dùng trong từ ngữ *hạnh phúc.* Người Á Đông, từ lâu đã có nhiều hình tượng biểu thị chữ phúc, mà ngày nay người ta còn thấy trong nhiều vật trang trí, trong kiến trúc, và cả trên y phục. Từ đời nhà Minh (1368-1644), người ta thường khắc trên cánh cửa chính một chữ phúc lớn như để đón đợi hạnh phúc tới nhà, đúng như lời cầu mong của người Trung Quốc: 福 星 高 詔, *phúc tinh cao chiếu,* nghĩa là sao phúc từng cao chiếu xuống hay câu: 多 福 多 壽, *đa phúc đa thọ,* nghĩa là nhiều may nhiều tuổi thọ, thường dùng để chúc nhau. Ngoài hình con giơi tượng trưng cho chữ phúc, người ta còn dùng trái phật thủ hay tranh ảnh

vị *phúc thần* và vị *môn thần* dán trên cửa hay khắc trên mặt cửa vào đình chùa dinh thự.

Ngày Tết nguyên đán, người Trung Quốc có tục treo thuận hoặc treo ngược chữ Phúc ở trên cửa. Có hai truyện truyền kỳ giải thích truyện này. Truyện thứ nhất là một truyện từ đời nhà Minh (1368-1644) về chữ phúc viết thuận. Một hôm Minh Thái Tổ, Chu Nguyên Chương, vi hành tới một thị trấn nhỏ. Nhà vua thấy một đám đông người cười rỡn bên một bức họa. Tới gần, nhà vua thấy đó là một bức vẽ một bà già có bàn chân lớn quá khổ, tay ôm một trái dưa hấu. Nhà vua nhận ra bà già này chính là hoàng hậu. Nổi giận, nhà vua sai quân hầu theo dõi từng người trong đám người hỗn sược này về tận nhà, và viết chữ phúc trên cửa, để ngày mai nhà vua sẻ phái quân tời bắt. Trở về hoàng cung, nhà vua kể lại truyện này cho hoàng hậu nghe. Hoàng hậu vốn sẵn từ tâm, bà khẩn sai quân hầu hỏa tốc tới thị trấn này viết chữ phúc trên cửa mọi nhà dân. Sáng mai quan quân tới sau, không còn cách nào nhận ra được những ai là kẻ bị nhà vua cho lệnh tới bắt. Từ đó, người ta tin rằng chữ phúc, viết có thể dùng làm bùa hộ mạng cho mọi người.

Truyện thứ hai là truyền thoại từ đời nhà Thanh (1661-1911) về chữ phúc viết hay treo ngược. Chiều ba mươi tết, quan phủ lý của thái từ Cung Thân, cho lệnh treo chữ phúc trên cửa những chính ra vào đông cung. Có một tên lính hầu không biết chữ, treo ngược chữ Phúc. Thái từ nhìn thấy, nổi giận định trừng phạt tên lính hầu này. Quan phủ lý vốn là người giầu từ tâm, liền nghĩ ra cách gỡ tội cho tên lính hầu. Quan còn biết lòng thái tử khao khát may mắn để sớm lên ngôi báu. Ngài tâu thái tử: chữ phúc treo ngược là chữ phúc *đảo*, 倒, theo tiếng Trung Quốc đồng âm với chữ *đáo* 到, nghỉa là *tới*. Vậy chữ phúc treo ngược là điềm báo phúc đang tới. Thái tử hài lòng, không những không trừng phạt tên lính hầu mà còn trọng thưởng qua phủ lý và ban cho mỗi tên lính hầu năm lạng bạc. Quả là phúc đã tới với đám người này trong đêm trừ tịch đó.

Người Đông Á thường bày một bộ tam đa: phúc lộc thọ và hỷ. Theo truyền thuyết ba vị này vốn là ba vị phúc tinh, nguyên

là ba ngôi sao trên trời. Giáng xuống trần gian vị *phúc thần* này hiện hình như một vị quan to, khuôn mặt phúc hậu, vận triều phục, tay cầm hốt ngà hay bế một đứa nhỏ kháu khỉnh.

Hình 4. Tam Đa: Phúc, Lộc, Thọ

Theo sách *Tam Giáo Nguyên Lưu Sưu Thần Đại Toàn,* Phúc Thần là một nhân vật có thật, tên là Dương Thành, người đất Đạo Châu, thuộc Hồ Nam. Dưới triều Hán Vũ Đế, nhà vua ra lệnh bắt nhưng người lùn về cung làm nô lệ, để hầu hạ làm vui cho nhà vua. Lệnh này khiến gia đình người lùn oán thán. Dương Thành dâng biểu xin tha cho những người lùn này, vì họ cũng là thần dân như mọi người khác, chứ không phải sinh ra để làm nô lệ. Hán Vũ Đế, nghe theo lời tâu bãi bỏ lệ bắt người lùn làm nô lệ. Gia đình người lùn biết ơn Dương Thành,

đả giúp cho gia đình họ được đoàn tụ, họ bèn tôn làm Phúc Thần. Tục này lan tràn khắp Trung Quốc, và lưu truyền tới ngày nay. Tới đời nhà Đường, nhà thơ Bạch Cư Dị, sáng tác áng thơ Đạo Châu Dân 道 州 民 ca tụng công nghiệp này của Dương Thành.

Có truyền thuyết khác kể là, theo lời Trương Đạo Lăng, một đạo sĩ sáng lập ra Huyền Lão, người đời Đông Hán thì Phúc Thần là một trong *tam quan.* Tam quan gồm có *Thiên Quan Tứ Phúc, Địa Quan Xá Tội,* và *Thủy Quan Giải Nguy.* Địa quan xá tội xét việc tha tội cho người chết; Thủy quan giảm tội giảm tội cho người chết. Thiên Quan Tứ Phúc là vị quan trên trời, coi việc ban phúc cho người còn sống, nên được người người trông đợi và chọn làm phúc thần.

Cửa ngoài nhiều đền đài dinh thự lớn thường trạm hình hai vị *môn thần.* Tục này có từ đời nhà Hán (25-220) với mục đích xua đuổi tà thần, phụ trì cho người sống sau cánh cửa. Lúc ban đầu hình tượng môn thần thường tạc trên gỗ cây đào, và treo trên cánh cửa. Sang tới đời nhà Tống (960-1279) người ta vẽ hình môn thần trên giấy hồng điều dán lên của, và tục này con truyền tới ngày nay, trong dịp tết nguyên đán.

Hình 5: Môn Thần

Truyền thoại kể rằng vua Thái Tông nhà Đường (618-907) thường thấy qủy sứ hiện hình chạy trong cung, phá giấc ngủ của vua. Các quan trong triều ai nấy đều lo lắng cho long thể. Có hai võ tướng, tên là Tần Quỳnh và Uý Trì Cung, (có nơi chép là Trần Thúc Bảo và Uý Trì Kính Đức), không biết sợ ma qủy, tình nguyện canh giữ trắng đêm. Sau mấy đêm liền ngủ được yên giấc, nhà vua ca ngợi lòng dũng cảm của hai vị tướng. Thửa biết là không thể nào hai vị vũ tướng đó có thể mãi mải thức trắng đêm như vậy được, nhà vua sai người vẽ hình hai vị tướng, đũ cả giáp dầy gươm dài treo ngoài cửa cung. Ma qủy cũng không tới phá giấc ngủ của nhà vua nữa. Thần dân biết truyện theo gương họa hình hai vị môn thần này để giữ an ninh cho toàn gia.

Đằng khác, theo Sơn Hải Kinh, trên núi Độ Sóc, ngài biển Đông, có một cây đào sông đã cả ngàn năm cành lá xum xuê kết thành cổng Quỷ Môn, thường thường qủy sứ phải đi qua cái cổng đó mới lên tới trần gian gieo rắc tội lỗi. Ngọc Hoàng Thượng đế sai anh em Thần Trà và Úc Điệp canh gác cổng này không cho qủy dữ lọt qua. Có qủy dữ nào cố tình trái mệnh thì Ngọc Hoàng cho phép hai anh em môn thần bắt trói và ném cho cọp trên đỉnh núi ăn thịt. Lại cho tạc hình tượng hai vị môn thần treo trên cánh cổng qủy môn: ảnh tượng Úc Điệp treo bên trái, ảnh tượng Thần Trà bên phải, để trừ tà ma.

Theo truyền thoại thứ hai, cây đào ngàn năm trên núi Độ Sóc kết trái đào tiên, ai ăn được cũng sống ngàn năm. Ở miệt Đông Bắc núi có tên tướng cướp độc ác Dã Vương Tử, ttự xưng làm vua và mặc sức bóc lọt dân đen khắp vùng. Một hôm tướng cướp biết truyện đào tiên, sai đàn em đến cướp về cho gã. Nhưng Thần Trà và Ức Điệp dẹp tan bọn côn đồ đó dễ dàng. Dã Vương Tử giận dữ tập họp ba trăm đàn em đương đêm tối trá hình tới vây đánh Thần Trà và Ức Điệp để cướp đào tiên và trả thu cho đồng bọn. Thần Trà và Ức Điệp, thấy xuất hiện bọn qủy sứ mắt biếc tóc đỏ, liền ra tay bắt cả bọn, trói chặt ném cho hổ

đói ăn thịt. Chiến thắng của Thần Trà và Úc Điệp vang dội khắp vùng, từ đó người ta tạc hình hai vị môn thần bằng gỗ đào để xua đuổi tà ma nghịch tặc.

Ngoài hình tương phúc thần và các môn thần treo trên hai cánh cửa, ngày đầu xuân người Đông Á thường dán hai bên cửa một đôi câu đối, viết mực tầu trên giấy đỏ, thường thường mội vế có năm hoặc bẩy chữ, đôi khi dài hơn. Nội dung thường là lời câu mong được bình an, làm ăn phát tài, trong năm tới, nhưng nhất thiết phải theo đúng luật đối vần đối ý khe khắt. Tục treo câu đối này có từ đời Ngũ Đại (907-960), câu đối thường khắc trên gỗ đào. Truyền thoại kể rằng Mạnh Sưởng nước Sở, sai quan hàn lâm học sĩ, làm một đôi câu đối đón xuân, nhưng không được vừa ý, ông tự tay sáng tác và tạc một đôi cho thật hài lòng. Từ đó câu đối đón xuân của nhà nào cũng thường do chính chủ nhân nhà ấy sáng tác. Rồi tại Việt Nam, khi bút sắt thay thế bút lông, có mấy cụ đồ già viết thay những chủ nhà muốn treo câu đối đỏ mà không biết viết. Cũng theo truyền thoại, vua Minh Thái Tổ, đêm trừ tịch thường vi hành đọc câu đôi đón xuân để biết rõ dân tình.

Ngoài câu đối, người Đông Á còn dùng nhưng bức*niên họa* dán trước của để đón xuân. Từ đới Tống (960-1279) niên họa thường in trên giấy, vẽ những cảnh sinh hoạt ngày đầu năm, hoặc hình ảnh chim muông hoa lá kèm theo nhưng lời chúc tụng, sống lâu giầu bền, con đàn cháu đống ...

Trước kia, người ta dùng vào dịp đầu xuân, những cặp tượng đồng nam đồng nữ, mang tên *Đại A Phúc*tượng trưng hai đứa trẻ một trai một gái kháu khỉnh. tiêu biểu lời chúc tụng may mắn thêm con thêm cháu trong năm mới. Ngày nay tượng đồng nam đông nữ trở thành một món quà đám cưới cô điên mừng cô dâu.

Theo truyền thoại, cặp Đại A Phúc này xuất phát từ vùng núi Tích Huệ tỉnh Giang Tô. Trong núi có một cặp sư tử mầu xanh biếc, chuyên vồ trẻ thơ. Dân tình kinh sơ, lập đàn cầu cứu Ngọc Hoàng. Lời kêu cầu thấu tới tai Ngọc Hoàng. Người sai

một cặp đồng nam đồng nữ, mang tên Đại A Phúc, xuống trần trị cặp sư tử không bằng sức mà bằng mưu mẹo. Cặp Đại A Phúc từ khi thắng đôi sư tử trở thành hai vị thần bảo trợ cho người Trung Quốc.

Hoa quả cũng được dùng làm biểu tượng cho lòng ước mong hạnh phúc cũa người Đông Á. Người ta tin rằng quả bầu nậm, tượng trưng cho trời đất, kiền khôn, chứa đựng tinh khí có khả năng xua đuổi tà ma. Người ta thường treo một trái bầu nậm nhỏ để thay bùa hộ thân, dưới cửa sổ hay cửa ra vào chính, trên đầu giường và trước mặt tài xế lái xe hơi. Theo kinh sách Đạo Giáo, trái bầu nậm, còn gọi là *hồ lô*, đựng thần dược của Lý Thiết Quài, một trong Bát Tiên Quá Hải.

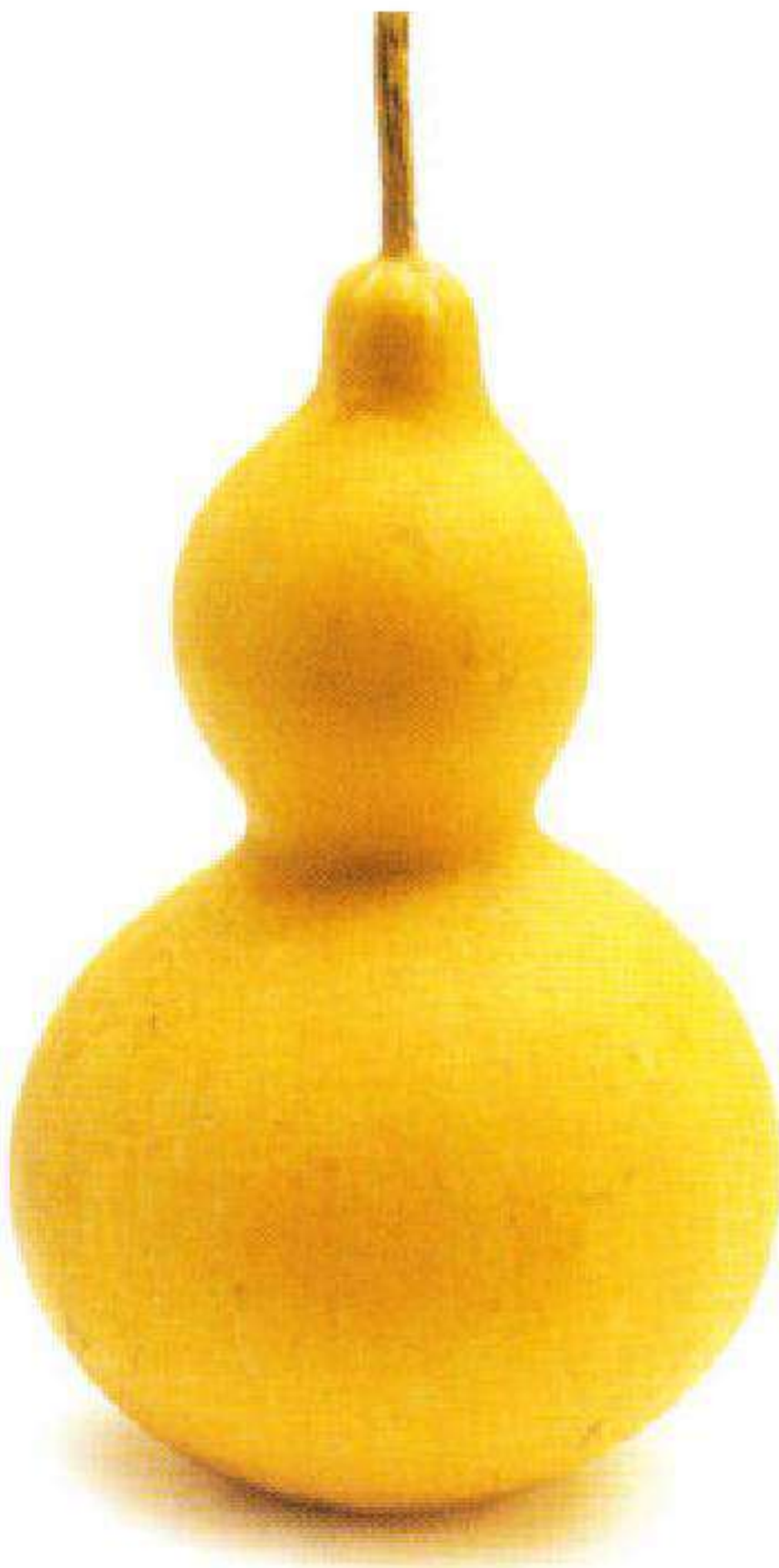

Hình 6: Bầu Nậm

Chiếc hồ lô đã vào văn học Trung Quốc qua chương 33, truyện thần thoại Tây Du Ký của Ngô Thừa Ân, một tác giả thế kỷ XVI. Truyện kể rằng Tôn ngộ Không biết rằng có bọn tiểu yêu rắp tâm dùng *hồ lô* để hại mình, liền hóa phép thành một chân nhân đạo Giáo đi gặp bọn tiểu yêu. Bọn nó khoe có một chiếc hồ lô có sức chứa ngàn người; Tôn Ngô Không cho hay chiếc hồ lô của ông, có sức chứa cả trời đất. Bọn tiểu yêu kinh ngạc xin Tôn Ngô Không cho xem phép lạ của hồ lô của ông và nếu quả vậy thì chúng xin nộp chiếc hồ lô của bọn chúng. Tôn Ngộ Không niệm chú, khiến ánh sáng mặt trời mặt trăng và cả

tất cả tinh tú trên trời đều tắt ngấm trong một giờ, khiến bọn tiểu yêu nghĩ là đã bị Tôn Ngộ Không hóa phép bỏ vào hồ lô. Lũ chúng năn nỉ xin nộp hồ lô của bọn chúng để được tha.

Ngoài quả bầu nậm, người Trung Quốc còn dùng trái phật thủ (Citrus medica) để tiêu biểu cho hạnh phúc, bởi lẽ chữ Phật 佛 đồng âm vói chữ phúc 福, đọc là *fú* . Người ta thường bày trái phật thủ cạnh trái đào và trái lựu để tương trưng ba điều ước vọng đầu năm: trái đào tiêu biểu cho tuổi *thọ*, trái lựu tiêu biểu cho *sinh dục*, và trái phật thủ là hình ảnh bàn tay đang bắt ấn quyết của nhà Phật. Ba trái để cạnh nhau dường như lời cầu phép Phật cho người già tăng tuổi thọ cho người trẻ có thêm con. Hình ảnh ba trái này tương tự như hình ảnh mâm quả của người Việt Nam gồm một trái mãng cầu, một trái đu đủ và một trái soài, biểu thị ý nguyện: *cầu vừa đủ s(o)ài.*

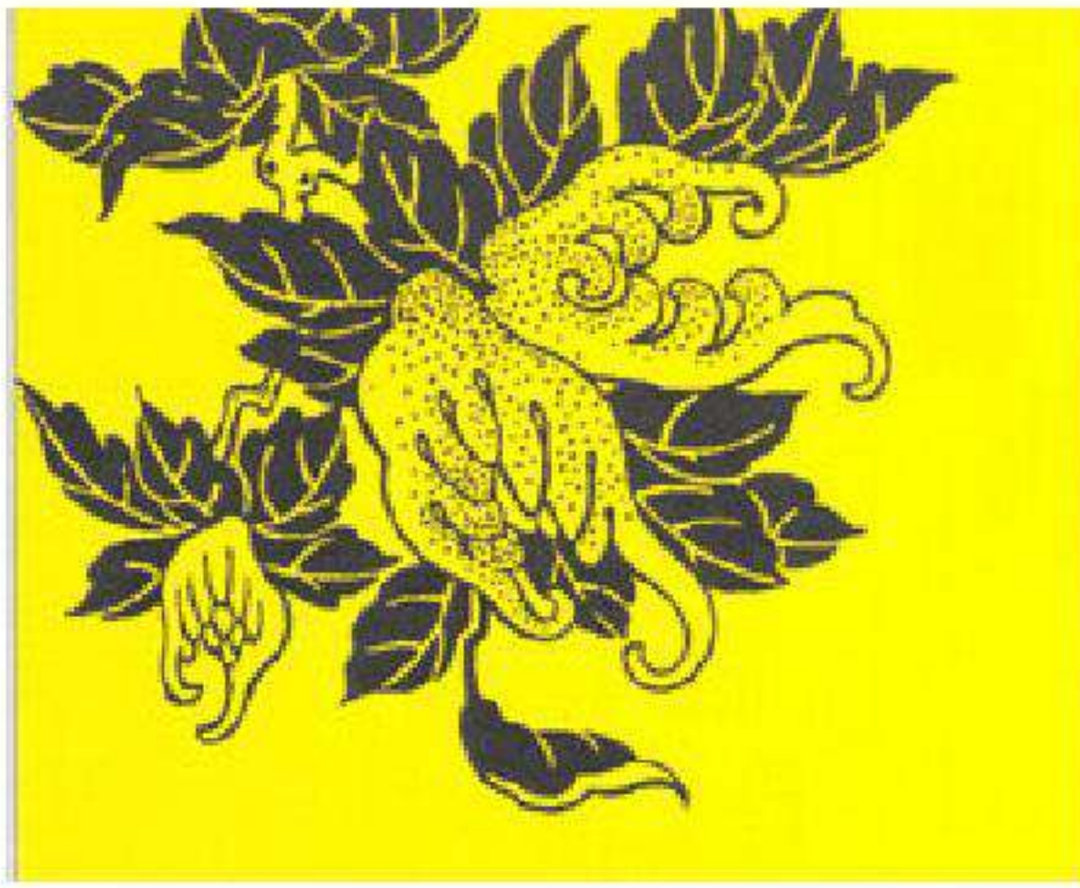

Hình 7: Phật Thủ

Hình ảnh thiên nhiên biểu thị ước mong hạnh phúc là hình ảnh những áng mây. Mây, viết theo tiếng Trung Quốc: 雲, đọc là *yún* đồng âm với chữ 運, đọc là *yùn.*Đọc theo âm Việt Nam, theo thứ tự là *vân* nghĩa là mâyvà *vận* nghĩa là dịp may. Chữ vân trong từ ngữ *tường vân*biểu thị đám mây mang may mắn tới cho người chờ đợi hạnh phúc. Đám mây này còn gọi là đám mây năm mầu:*ngũ sắc vân,* tiêu biểu cho *ngũ phúc,* tức năm niềm

hạnh phúc. Hình ảnh đám mây thường gặp trong những nền trang trí trên tường, hoặc trên nền lụa may quần áo. Hình dạng đám mây gợi nên hình ảnh cây nấm *linh chi* tiêu biểu cho tuổi thọ bất tử. Mây cũng là nơi thần tiên ngao du như trong từ ngữ *đằng vân.*

Hạnh phúc mong đợi thường còn được tiêu biểu bởi một *linh vật,* tỷ như hình con rồng. Rồng đứng đầu *tứ linh:* long, ly, quy và phượng. Thời thượng cổ người ta cầu Long Vương để có mưa đủ nước trồng trọt. Rồng là linh vật lúc ẩn lúc hiện, lúc ở đáy nước lúc ở mây cao, lúc phun lửa lúc nhả mây. Giới cổ tự học cho biết là chữ *long* 龍 có từ đời nhà Thương, trước công nguyên gần ba ngàn năm, khắc trên những mu rùa dùng vào việc bói toán. Rồi trải qua nhiều triều đại, rồng là biểu tượng của đế quyền. Hình ảnh con rồng dành riêng cho hoàng đế qua nhưng danh từ như long sàng là giường vua, ngôi rồng là ngai vua, long bào là áo vua, long thể là mình vua ... Rồng hiện ra là điềm báo có qúy nhân giáng thế: tương truyền à có rồng hiện ra trước khi Khổng Khâu ra đời. Sử Việt Nam cho biết có rồng hiện ra khi vua nhà Lý thiên đô nên đặt tên kinh đô mới là Thăng Long. Trung Quốc có tục múa đầu rồng, gọi là long vũ, trong các kỳ lễ hội cầu mưa khi hạn hán, thường tổ chức vào dịp đầu năm để cầu phước lộc cùng xua đuổi tà ma.

Hình 8: Rồng

Từ đời Tam Quốc (220-265) ngoài múa rồng còn có múa sư tử trong các kỳ hội hè của dân gian. Tục này lan sang Việt Nam: trong dịp lễ Trung Thu vào tuần trăng tròn tháng tám âm lịch cũng thường có múa rồng và múa sư tử. Theo phân tích của Trần Văn Khê trong một buổi thuyết trình, truyện múa rồng tại Trung Quốc và Việt Nam, tuy nhìn bề ngoài chẳng mấy khác nhau, nhưng ý nghĩa khác hẳn nhau. Tại Trung Quốc thì đó là một cuộc đấu sức giữa người và rồng hay sư tử. Tại Việt Nam thì đó là hoạt cảnh rồng mẹ âu yếm rồng con.

Sau linh vật, người Đông Á còn dùng *bình* để cám hoa trang trí tiêu biểu cho ước mong được hạnh phúc nhân dịp đầu năm. Người Việt Nam thường dùng một chiếc bình lớm cắm một cành hoa đào hay một cành hoa mai vàng. Chữ *bình* 瓶 (là cái lọ) đồng âm với chữ 平 trong từ ngữ *bình an.* Tặng nhau một bình hoa là chúc nhau được bình an vô sự. Mang bình hoa tặng người ốm là chúc người ốm mau bình phục. Trong ba ngày tết, người Trung Quốc nếu lỡ tay đánh vỡ bát đĩa, thường nói câu *sui sui ping an,* □ □ 平 安, nghĩa là bình an năm này năm khác. Tục này dường trái với tục người Việt Nam, đầu năm đánh vỡ bát đĩa coi là điềm sấu sợ rông cả năm.

Trở lại truyện dùng hình tượng con giơi để tiêu biểu chữ phúc, người ta còn dùng hình hai con giơi, mầu đỏ tạo nên hình tương *song phúc* 雙 福. Hình con giơi ngậm đồng tiền cũng là một cách chơi chữ của người Trung Quốc.

Hình 9: Song Phúc

Hình tượng này gợi ý thành bốn chữ: *Phúc tại nhãn tiền:* 福 在 眼 前, nghĩa là phúc thấy trước mắt. Con giơi còn là biểu tượng chữ thọ. Sách thuốc Bản Thảo Cương Mục, 本 草 綱 目, xuất hiện từ thế kỷ thứ XVI, cho biết là giơi là giống vật có đời sống rất dài, máu giơi, mật giơi và cả cánh giơi đều có dược tính chữa bệnh mắt già và kéo dài tuổi thọ. Hình tương năm con giơi đậu quanh chữ thọ quen gọi là *ngũ phúc phủng thọ* 五 福 捧 壽 là hình tượng rất thông dụng để chúc phúc thọ.

Hình tượng cầu phúc quen biết với mọi người quen đi ăn tiệm Trung Quốc là chiếc, 籤 語 餅, thiêm ngữ bỉnh, quen gọi là fortune cookie thường dùng làm đồ tráng miệng. Trong lòng bánh có một thẻ giấy đoán thời vận của người ăn bánh. Tục này không phải do người tại Hoa Lục phát minh, mà do một người Trung Quốc mở tiệm ăn tại San Francisco, California tìm ra vào khoảng năm 1920.

祿 Lộc

Hình 10: Lộc Thần

Đứng sau chữ phúc là chữ lộc, nghĩa là những gì của trời ban cho con người như khoa bảng, địa vị xã hội, danh giá, tăng thưởng, lương bổng. Lộc càng dồi dào, cuộc sống vật chất càng

hạnh phúc dễ dàng. Lộc là thành công trên hoạn lộ, nên lộc khác với *tài*, chỉ riêng truyện thịnh đạt về tiền bạc trên thương trường. Lộc 禄 đồng âm với 鹿 là con hươu, nên người ta thường dủng con hươu làm biểu tượng cho chữ lộc, như trong từ ngữ *bách lộc* 百 禄. Truyền thuyết cho rằng hươu có thể sống lâu trăm tuổi, nên nhiều khi con hươu còn là hình tượng của chữ thọ. Thọ thần không cỡi ngựa cỡi bò mà cỡi hươu trong nhiều bức tranh dân gian, vì hươu có thể tìm ra được nấm *linh* con hươu, trên *chi* dùng làm thuốc trường sinh bất tử. Hình tượng bộ tam đa gôm ba vị phúc thần phúc, lộc, thọ biến thể thành hình tượng lưng có chữ phúc, trong bụng có chữ thọ. Tại điểm này, con hươu đứng cùng hàng với con hạc để biểu thị người cao tuổi.

Hình 11: Song Lộc

Cũng như liên quan tới chữ phúc có phúc thần, liên quan tới chữ lộc dưới trần có *lộc thần,* trên trời có *lộc tinh* như trong thành ngữ *lộc tinh cao chiếu* 禄 星 高 照, biểu thị lòng người Trung Quốc ngưỡng mộ tinh tú này. Chữ lộc, đọc theo tiếng Trung Quốc đồng âm với chữ *lục*chỉ số 6, thế nên không lạ là nhiều người coi số sáu là một con số mang lại nhiều may mắn

trên đường sự nghiệp. Hình ảnh chữ lộc trong dân gian là cảnh tiến sĩ vinh quy, có cờ có bảng có ngựa anh đi trước võng nàng theo sau. Trên sân khấu, chữ lộc trải dài trên ba cảnh. Cảnh thứ nhất thường là cảnh giáo tuồng, nghệ nhân đeo mặt nạ trắng, mặc áo đỏ, ra sân khấu đi liền ba vòng với nụ cười trên môi, nhưng không nói một lời. Lần thứ hai hiện ra trên sân khấu vời một đứa bé kháu khỉnh trên tay, và cũng đảo ba vòng sân khấu. Lần sau cùng, người đó mang theo một tấm vải đề bốn chữ 加 官 進 祿 *gia quan tiến lộc* nghĩa là thăng quan tiến lộc.

Hình 12: Phúc, Lộc, Thọ

Theo truyền thuyết, hàng năm trên sông Hoàng Hà, hàng đàn cá chép bơi ngược dòng sông tới Vũ Môn, con nào nhảy qua được Vũ Môn thì hoá rồng. Từ đời nhà Tống (960-1279) ngôn ngữ Trung Quốc có câu: 鯉 魚 跳 龍 門, *lý ngư khiêu long môn,* nghĩa là cá chép vượt cửa rồng, dùng để chỉ nhưng kẻ may mắn đả đỗ các kỳ thi hương thi hội hay thi đình để ra làm quan với triều đình. Nhưng kỳ thi hương đề mở ra cho tất cả mọi người. Được bổ làm quan là bắt đầu một cuộc sống giầu sang,

không nhưng riêng cho thân mình mà có khi cả họ được nhờ. hai chữ 鯉 (lý) và 祿 (lộc) trong tiếng Trung Quốc là hai tiếng đồng âm, thế nên hình ảnh con cá chép là hình ảnh sự thi đỗ thành đạt. Tại Việt Nam, vào dịp tết trung thu, cha mẹ thường mua cho con trai một chiếc đèn cá chép, phải chăng cũng là hy vọng đứa con sẽ đỗ đặt thành tài, ra làm quan.

Ước mong của những thư sinh xuất sắc không phải chỉ là vượt qua được vũ môn, mà phải giật được chức *giải nguyên* 解 元, tức chức thủ khoa, hay đỗ đầu khoa thi. Có vậy mới mong chiếm được ấn phong hầu. Chữ giải 解 này đồng âm với chữ 蟹 là con cua nên hình tượng con cua được dùng làm lời chúc tụng nhưng thí sinh lều trõng đi thi.

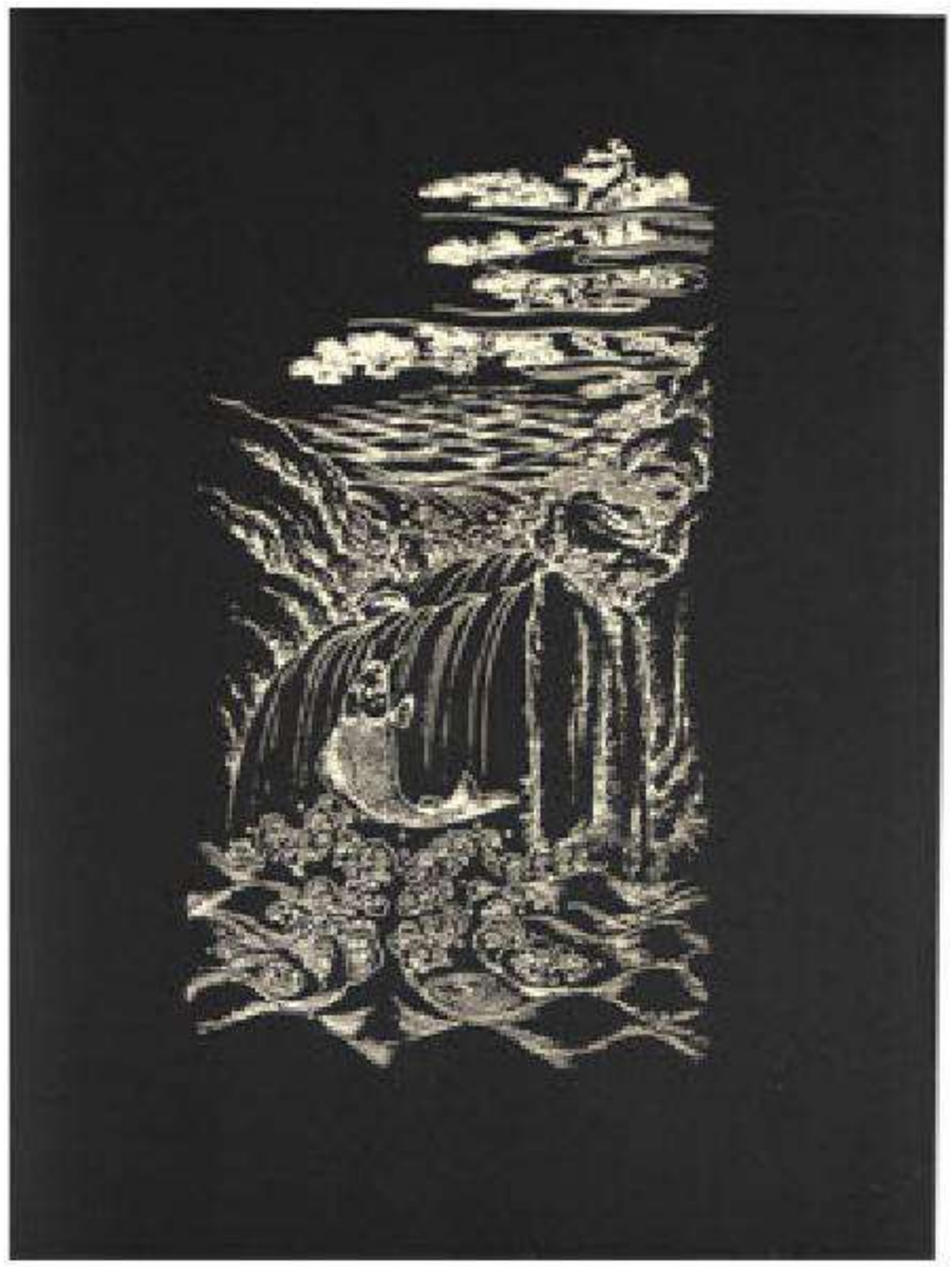

Hình 13: Lý Ngư Khiêu Long Môn

Vượt qua được Vũ Môn, con người lại ước mong hanh thông trên hoạn lộ, và hình tượng con người may mắn này là

hình ảnh con khỉ, chữ Trung Quốc là 猴 đoc là*hóu* và đọc theo âm Việt Nam là *hầu.* Trong cả hai ngôn ngữ chữ này đồng âm với chữ 候 , nghỉa la một chức quan lớn trong triều. Kết hợp hình tượng con khỉ với con ngựa, người Trung Quốc có thành ngữ 馬 上 封 候, *mã thượng phong hầu,* dùng biểu thị cảnh thang quan tiến chức lẹ làng trên hoạn lộ. Hình ảnh tiêu biểu người làm quan ước mong lên tới mức nhất phẩm triều đình là hình ảnh một con khỉ đang đu mình trên ngọn cây bắt lấy một chiếc ấn và gọi là 封 候 掛 印, *phong hầu quải ấn.*

Hình 14: Phong Hầu Quái Ấn

Con gà trống kết hợp với bông hoa mào gà thường được dùng thay lời chúc tụng cái may mắn được thăng quan tiến chức mau lẹ. Bởi lẽ mào gà tiếng trung quốc là chữ quan 官, chữ này còn có nghĩa là ông quan hay chiếc mũ, thế nên kết hợp con gà trống với bông hoa mào gà biểu thị bốn chữ 官 上 加 官, *quan*

thượng gia quan, ngụ ý thăng quan tiến chức liên tiếp mau mắn. Con gà trống còn tiêu biểu cho một linh vật có khả năng xua đuổi tà ma.

Có nhiều loại hoa được chọn làm hình tượng cho chữ lộc. Loại thông dụng nhất là hoa mẫu đơn. Hoa này được mệnh danh là *hoa phú qúy*. Mẫu đơn vàng hay tím là hai loại mẫu đơn rất được ưa chuộng. Mẫu đơn còn tiêu biểu cho mùa xuân và tượng trưng sắc đẹp giai nhân. Bộ ba mẫu đơn, ngọc lan và hải đường kết thành 玉 堂 富 貴, *ngọc đường phú qúy*, nghĩa là cảnh giầu sang nơi điện ngọc. Kết hợp hoa sen, hoa cúc, hoa mận với mẫu đơn thành 四 季 平 安, *tứ qúy bình an,* nghĩa là bình an suốt bốn mùa.

Hình 15: Vinh Quy

壽 Thọ

Thọ là sống được ngoài 70 tuổi. Thời Đỗ Phủ ít người sống được đến tuổi đó. Ngày nay tuổi thọ trung bình ở cỡ 75, nên chữ thọ là một chữ trong ngũ phúc tương đối có nhiều người đạt được nhất. Nhiều người tin rằng đặt được chữ tho chỉ vì thường ăn mì, hay ăn trái đào. Ước mong đạt được tuổi thọ biểu lộ qua những bức hoành phi có nhưng câu như 壽 比 南 山, *thọ bỉ nam sơn,* nghĩa là thọ tựa như núi Nam, hay câu 萬 壽 無 疆 ,*vạn thọ vô cương,* thọ vạn năm chẳng cùng, hoặc 龜 齡 鶴 壽 , *quy linh hạc thọ,* nghĩa là thọ như rùa hạc. Những lời chúc tụng như 萬 壽, *vạn thọ* có trong ngôn ngữ Trung Quốc từ đòi nhà Thương nhà Chu, cả mười thế kỷ trước công nguyên, mà giới khảo cổ thường thấy khắc trên những đỉnh vạc đời nhà Chu. Tín đồ đạo Khổng tin rằng kẻ ở hiền thì sống lâu, kẻ ở ác thì chết sớm: 仁 者 壽, 惡 者 夭. Hình tương tương trưng chữ thọ là cây thông, cây đào, con hạc con rùa. Các bậc thần tiên đều bất tử, tỷ như Tây Vương Thánh Mẫu.

Hình 16: Chữ Thọ

Hình tượng lão thân là một cụ già có bộ mặt tươi cười, một tay chống gậy đầu long một tay cầm trái đào tiên bất tử. Tương truyền, lão thần là một trong Nhị Thập Bát Tú, nguyên là sao Giải Kháng (Canopus), hay còn gọi là Nam Cực Lão Nhân Tinh, trong Đông Phương Hạng Long Thất Tú (SudArgo) Người xưa tin rằng tinh tú ảnh hưởng tới tuổi thọ con người, và Nam Cực Lão Nhân là vì tinh tú quyết định số mạng con người. Nhà viết sử Tư Mã Thiên đời Hán, tác giả bộ Sử Ký Thiên Cung Thư, cho biết là người xưa tin ràng: 老人星見, 治安, 不見兵起, *lão nhân tinh kiến, trị an*; *bất kiến binh khởi*, nghĩa là sao Lão Nhân hiện ra, thì trị an, không hiện ra là điềm khởi binh biến.

Có nhiều tryện truyền kỳ về thọ thần. Truyện thứ nhất là Bạch Xà Truyện. Tương truyền xuất xứ từ đời nhà Minh, rồi sau cải biến thành một vở tuồng. Bạch Xà hóa thân thành một thiếu nữ sắc đẹp tuyệt vời. Nàng yêu một chàng trai tên là Hứa Tiên, và kết duyên cùng chàng. Một hôm nàng uống lầm một chén rượu thuốc khiến nàng tái hiện nguyên hình thành một con rắn

trắng. Hứa Tiên quá sợ mà chết. Bạch xà về núi Côn Lôn để *tìm linh chi tiên thảo* có khả năng cứu chồng nàng sống lại được. Chẳng may Bạch Xà không thắng nổi hai tráng sĩ có nhiệm vụ canh gác khóm linh chi thảo. Trước hoàn cảnh đáng thương của nàng, Thọ Thần mủi lòng ban cho nàng linh chi thảo để về kịp cứu chồng.

Hình 17: Thọ Thần

Hình 18: Một Trăm Chữ Thọ

Truyện thứ hai là một truyện có từ thời Lục Triều. Sách Sưu Thần Ký kể rằng có một thiếu niên tên là Nhan Siêu, mười chín tuổi, được một lão ông cho hay là sớm mai thì chàng tận số. Nhan Siêu lậy van xin lão ông cứu mạng, nhưng lão ông cho biết là lão không thể nào thay đổi số mệnh được, và lão dục chàng trai mau về giã biệt cha mẹ. Nghe tin, cha mẹ chàng trai gấp tìm gặp lão ông và cùng khấu đầu xin lão ông cứu mạng cho con. Lão ông cho biết là hai người phải về sắm sửa rượu thịt để sáng mai Nhan Siêu bê ra dâng cho hai ông lão chơi cờ ở dưới bụi dâu bên đầu nhà. Ông lão còn dặn kỹ là Nhan Siêu không được mở miệng nói một tiếng. Sáng hôm sau, Nhan Siêu thấy hai ông lão bầy cuộc cờ bên bụi dâu. Đúng y như lời dặn chàng bê mâm rượu thịt ra để bên hai bàn cờ. Sau vài ván cờ, hai ông lão ngẩng lên thấy Nhan Siêu, và cũng nhận ra là đã dùng hết mâm rượu thịt. Hai ông lão bàn nhau thay đổi một vài chữ trong tập *mệnh sách* để thưởng công cho chàng trai. Ông lão ngồi bên mé Bắc nói rằng việc đó không phải là dễ. Ông lão ngồi bên mé Nam, dở cuốn mệnh sách ra xem kỹ lưỡng rồi nói là việc đó có thể làm được, đoạn lấy bút ra sửa số mười chín thành chín mươi mốt. Người chép truyện bàn rằng ông lão ngồi bên mé Bắc là

Bắc Đẩu coi việc sống chết và ông lão ngồi bên mé Nam là Nam Tào chính là thọ thần coi việc tăng giảm tuổi thọ cho con người.

Hình 19: Cây Thông

Người Trung Quốc thường dùng hình tượng nhiều loại cây để tiêu biểu cho tuổi thọ. Cây thông bốn mùa xanh lá, ngay cả tại những vùng núi cao, trong ngày đông tháng giá lạnh lẽo, thế nên cây thông là tiêu biểu quen thuộc nhất tuổi thọ. Trong ngôn ngữ Trung Quốc có nhưng thành ngữ quen dùng như 不 老 松 , *bất lão tùng,*nghĩa là cây thông không già, hoặc 松 匊 延 年 , *tùng cúc diên niên,* nghĩa là tùng cúc tăng thọ. Lá thông mọc thành từng cặp, tương trưng cho một cuộc hôn phối êm đẹp. Cây thông còn có tác đông xua đuổi tà ma tới tác quái với người chết trong mộ, nên người ta thường trồng thông tại các tha ma mộ địa.

Người Trung Quốc có truyện truyền kỳ về cây thông như sau. Xưa có người tên Triệu Cù, đau ốm đã nhiều năm. Thấy chàng đã gần ngày tận số, gia đình mang chàng về nhà trong núi chờ chết. Ít lâu sau, có một tiên ông đi qua, thương hại chàng cho một it thuốc bảo phải uống liền một trăm ngày. Sau trăm ngày Triệu Cù khỏi bệnh, da dẻ tươi tắn lại như ngày chưa bệnh. Ngày tiên ông trở lại, Triệu Cù quỳ dưới chân tiên ông để cám ơn cưu mạng, và xin hỏi tiên ông đã dùng thân dược gì để cứu chàng. Tiên ông cho biết vị thuốc chính là dầu thông. Triệu Cù về lại nhà sống đến trăm tuổi tăng không rụng, tóc không bạc. Ngày nay người ta công nhân rằng dầu thông có tác dụng kéo dài tuổi thọ.

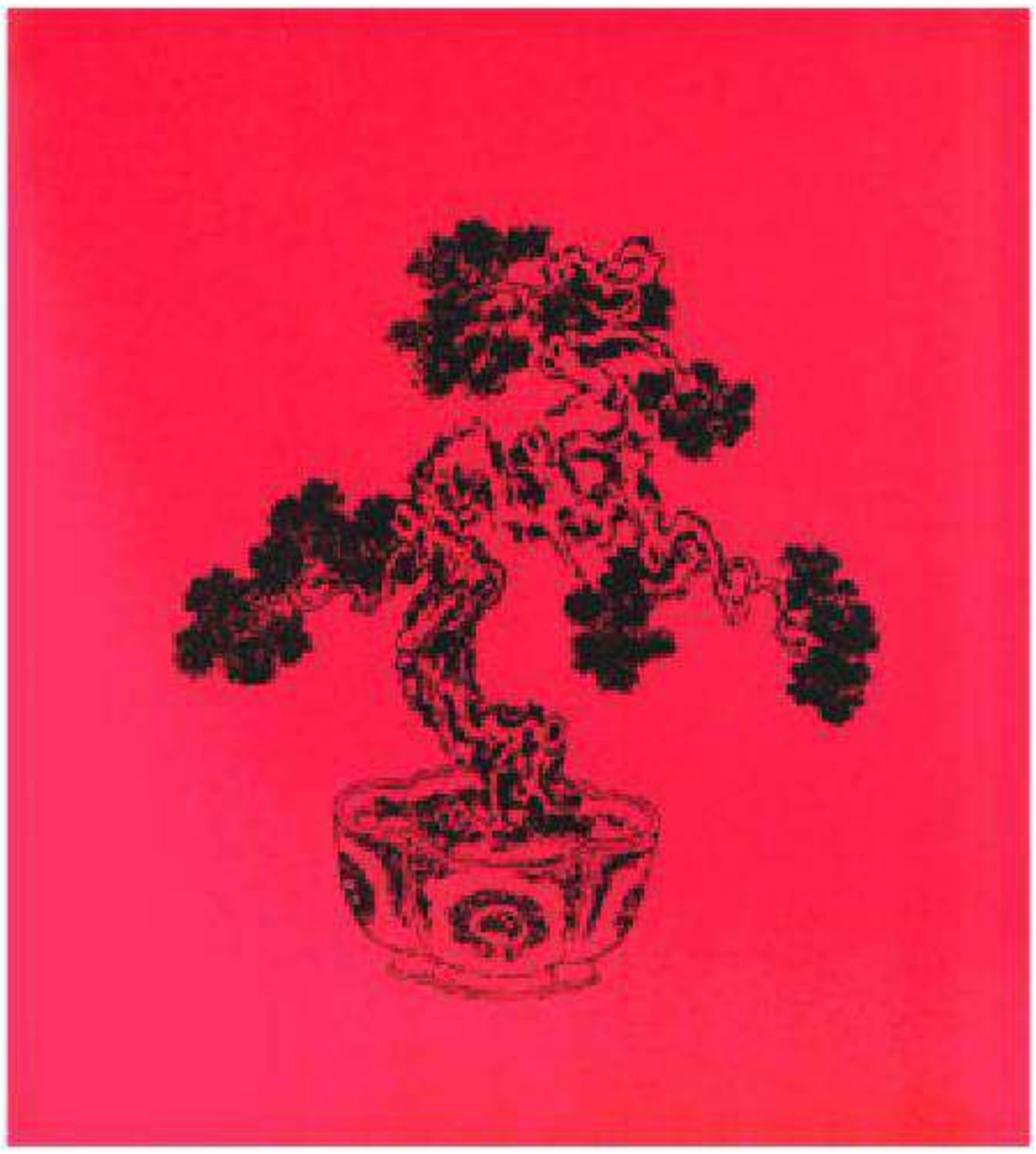

Hình 20: Cây Bách

Đi đôi với cây thông là cây bách. Trong tiếng việt bách còn có nghĩa là một trăm; trong tiếng Trung Quốc 柏 (cây bách) và 百(một trăm) cùng đọc là *bai,* tương trưng cho chữ thọ. Bách đi đôi với tùng trong câu chúc tụng 柏 松 長 青, *bách tùng trường thanh,* nghĩa là bách tùng trẻ mãi. Kết hợp hình ảnh cây

thị với cây bách thành lời chúc mừng của người Trung Quốc 百事如意, *bách sự như ý,* nghĩa là trăm sự như ý, vì chữ 柏 và chữ sự 事, đồng âm trong tiếng Trung Quốc. Cũng như cây thông, cây bách cũng thường được trồng tại nghĩa trang để xua đuổi ma quỷ bảo vệ người chết nằm dưới mồ.

Đứng sau cây thông để tượng trưng chữ thọ là cây trúc, bởi lá trúc cũng giống lá thông xanh tươi suốt năm. Trúc còn tượng trưng cho lòng can trường dẻo dai, người xưa mô tả trúc bằng câu: 不剛不柔, 非草非木,*bất cương bất nhu, phi thảo phi mộc,* nghỉa là không cứng không mền, chẳng là cỏ chẳng là cây. Người ta còn đặt cây mai đứng sau tùng trúc là hai loại cây xanh tươi cả năm, vì cùng tùng trúc xanh tốt, mai là thứ hoa độc nhất nở vào mùa đông, thế nên người Trung Quốc gọi chung ba cây này là 歲寒三友 *tuế hàn tam hữu,* ba người bạn thân trong ngày đông tháng giá. Vì đốt trúc thẳng và rỗng lòng, dịch bốn chữ 節直心虛 *tiết trực tâm hư,* nên từng là biểu hiệu của Tổng Thống Ngô Đình Diệm thời Đệ Nhất Cộng Hoà. Đốt một đốt trúc thương gây một tiếng nổ tựa như tiếng pháo. Ngày xưa tiếng nổ dùng để xua đuổi tà ma, thế nên người Trung Quốc có câu 竹報平安, *trúc báo bình an;* và vì chữ *trúc* 竹 đồng âm với chữ *chúc* 祝 trong tiếng Trung Quốc, nên câu trúc báo bình an trở thành một lời chúc tụng bình an.

Tiếp tới là cây mai, vì mai là loài hoa nở vào mùa đông, nên hoa mai trắng được chọn làm biểu tương cho chữ thọ, đồng thời còn tiêu biểu cho trinh tiết phụ nữ đài trang. Kết hợp hoa mai với cành trúc thành lời chúc song phúc: 竹梅雙喜, *trúc mai song hỷ,* thường dùng trong những dịp cưới hỏi.

Sau mai là cúc, một loài hoa nở vào cuối thu và đầu đông, và cũng là một biểu tượng của chữ thọ. Ngoai ra, trong tiếng Trung Quốc, chữ cúc 菊 (hoa cúc) và chữ cửu 久 (mãi mãi) đều đọc là *jiu,* thế nên hoa cúc cũng thành biểu tượng cho chữ thọ.

Hình 21: Cúc

Về mùa xuân ở Đông Á có hoa thủy tiên, kết hợp một khóm thủy tiên với một tảng đá và mấy cành trúc thành cảnh mô tả bởi bốn chữ 群 仙 祝 壽, *quần tiên chúc thọ,* bởi như trên đã nói, chữ chúc 祝 này đông âm với chữ trúc 竹 và tảng đá tiêu biểu cho tuổi thọ. Không những trái đào, mà hoa đào cũng là một biểu tượng của chữ thọ. Thế nên không lạ gì ở vùng bắc Việt Nam, ngày tết người ta thường trưng cành đào. Trong thơ hoa đào tiêu biểu cho sắc đẹp các thiếu nữ còn trẻ.

Trái đào tiên là một trong những hình ảnh chủ chốt trong truyện thần thoại Tây Du Ký. Chương 5 truyện này kể rằng cây đào tiên ba ngàn năm mới ra hoa, ba ngàn năm sau mới kết trái, ăn được một miếng đào này sẽ sống được sáu trăm năm.Sau khi đại náo thiên đình, Tôn Ngộ Không được Ngọc Hoàng Thượng Đế phong làm Tề Thiên Đại Thánh, lại cho cai quản vườn đào. Từ đó Tề Thiên lén ăn gần hết vườn đào. Tây Vương Mẫu, định mở hội, mời chư quần tiên, sai bẩy Tiên Nữ tới vườn đào hái đào chín mang về làm tiệc *bàn đào* tại điện Bửu Các. Bẩy Tiên Nữ gặp Tề Thiên cho Tề Thiên biết là Tề Thiên không được mời

tới dự tiệc. Tức giận Tề Thiên đằng vân tới điện Bửu Các, ăn một hơi tàn tiệc, uống rượu quý đến say mèm. rồi chợt tỉnh thấy mình lén ăn gần hết vườn đào tiên, nay lại phá tàn tiệc bàn đào, bèn sợ hãi quay về tư dinh, nhưng quá say lạc vào cung Đâu Xuất, dinh của Thái Thượng Hoàng Lão Quân. Vào dinh Thượng Hoàng Lão Quân, Tề Thiên thấy năm chiếc bầu đựng thuốc trường sinh. Tề Thiên không e ngại nuốt trọn cả năm bầu. Thế là Tôn Ngộ Không vừa ăn đào tiên, vừa uống được linh đơn, hai thức cực qúy để trường sinh bất tử.

Theo truyền thoại, Tây Vương Mẫu là một nữ thần linh của Đạo Giáo, không những cai quản vườn đào tiên lại có trong tay môn thuốc trường sinh. Nhiều bức tranh dân gian tượng trưng Tây Vương Mẫu như một thần nhân : thời thái cổ Tây Vương Mẫu có nửa người như người thường, có hàm răng cọp, có mái tóc dựng đứng, nửa người dưới mang hình con báo; sau dần dần biến hóa thành một người nữ. Có thoại nó Tây Vương Mẫu là vợ Ngọc Hoàng Đại Đế, tức là vợ vua trên trời. Một thoại khác kể rằng, ngoài hai ngàn năm trước, Tây Vương Mẫu dáng xuống trần, mang tặng vua Vũ Đế nhà Hán, bốn trái đào tiên, ai ăn được một trái sông được sáu trăm năm. An hết đào vua Hán giữ hột, mong trồng với hy vọng gây được đào tiên nơi hạ giới. Tây Vương Mẫu biết truyện tâu lên vua rằng, đất đai hạ giới không đủ mầu mỡ để nuôi dưỡng cây đào tiên, phải qua sáu ngàn năm mới có quả. Truyện ăn đào tiên từ đó tới nay chỉ là giấc mộng trường sinh bất tử của con người.

Hình 22: Tây Vương Mẫu

Đứng sau Tây Vương Mẫu, có nữ thọ thần. Trong truyền thuyết, nũ thọ thần tên là Ma Cô, trên nhiều tranh dân gian, nữ thọ thần thường cỡi hạc, hay cỡi hươu, trong tay thường có trái đào, hoặc trái phật thủ hay bình rượu. Dung nhan thọ thần thường là một thiếu nữ trẻ tuổi, chừng mười tám đôi mươi, nhưng thật ra Ma Cô là một vị nữ thần không tuổi tác. Nữ thọ thần được ai quản biển Đông, kể từ ba lần dâu biển, kỳ nọ cách kỳ kia cả triệu năm. Theo sách thần thoại Tây Du Ký, Ma Cô cũng là khách mời của Tây Vương Mẫu. tới dự tiệc bàn đào, và nhân dịp này Ma Cô dâng tăng Tây Vương Mẫu rượu thần cất bằng *linh chi.* Tích này tới triều nhà Thanh (1661-1911) cải biến thành tuồng 麻姑獻壽酒, *Ma Cô hiến thọ tửu,* thường trình bày nhân dịp chúc thọ trung cung vua.

Theo sách Thần Tiên Truyện, từ đời nhà Tấn, thọ thần Ma Cô là một thiếu phụ nhan sắc tuyệt trần, có nhiều phép lạ, như có thể đi trên mặt nước, biến gạo thành linh đan. Anh ruột thọ thần tên là Vương Phương Bình, làm quan tại Đông Hải, là một

nhà bói toán nổi danh, suốt đời nghiên cứu dịch số, sau chết thành tiên bay về núi.

Trong sách đời nhà Minh (1368-1644), Liệt Tiên Toàn Truyện, cha của Ma Cô vốn là tướng Ma Thu hống hách với thuộc hạ thời Lục Quốc (304-439). Để xây cất doanh trại, ông bắt một toán thợ làm suốt đêm, cho tới khi gà gáy sáng mới được nghỉ. Động từ tâm, thương đám thợ vất vả, Ma Cô có biệt tài giả tiếng gà gáy. Mỗi khi nàng gáy, gà trong khắp xóm gáy theo, toán thợ được nghỉ sớm. Truyện này đến tai Ma Thu, ông tức giận và cho người đi lùng bắt con gái, nhưng nàng trốn vào núi và trở thành nữ thọ thần.

Hình 23: Nữ Thọ Thần Ma Cô

Sau nữ thọ thần, đến truyện Hằng Nga, nữ thần ngự trị trên cung trăng, cũng là một vị nữ thần trường sinh bất tử. Tương truyền Hằng Nga là vợ Hậu Nghệ, một xạ thủ có tài bắn cung. Thủa đó có chín con quạ biến thành chín mặt trời nung nấu trần

gian. Hậu Nghệ trổ tài bắn cung bắn rơi cả chín mặt trời. Tây Vương Mẫu, thường công cứu nạn cho dân ban cho chàng một viên linh đan bất tử, và dậy rằng Hậu Nghệ phải nhịn đói một năm rồi mới uống thuốc thì mới linh nghiệm. Hậu Nghệ mang thuốc về cất kỹ trong nhà. Nhân lúc Hậu Nghệ vắng nhà, Hằng Nga lấy trộm thuốc, nuốt trọn,. Người nàng trở thành vô cùng nhẹ và bay xuyên mây lên mặt trăng. Hậu Nghệ cố tình bay theo mà không nổi. Lên tới mặt trăng, Hàng Nga bị phạt biến thành con Thiềm Thừ hay con cóc và viên thuốc bất tử thành Ngọc Thỏ, và từ đó Hằng Nga vĩnh viễn sống đơn côi trên Cung Quảng.

Hình 24: Hằng Nga trên Cung Quảng

Sau đó, trong dân gian lại có truyện về Hằng Nga như sau. Trải qua không biết bao nhiêu ngàn vạn năm, Hàng Nga lấy lại được nhan sắc diễm lệ ngày trước, và hàng năm, vào ngày rằm tháng tám âm lịch, người trần thế lại thấy nàng hiện về nhân dịp lễ Trung Thu.

Ngoài những nhân vật thần thoại như Tây Vương Mẫu như Hằng Nga có biệt tài bất tử, người trần thế đạt nổi được tới cõ bất tử này có Bát Tiên, tức tám vị tiên đạo Giáo. Tám vị tiên này là: Hán Chung Ly, Trương Quả Lão, Hàn Tương Tử, Thiết

Quầy Lý, Tào Quốc Cậu, Lữ Đồng Tân, Hà Tiên cô, và Lam Thái Hoà. Tát cả đều sinh ra đời như mọi người, nhưng vì dầy công tu luyện, nhờ đạo đức can trương hỷ xả mà đạt được tới cõi tiên. Tám người không sinh ra cùng thời. Tiểu truyện từng người lưu truyền trong dân dan trải dài trên sáu trăm năm, từ đời Đường đến đời Tống. Nhưng từ đời nhà Nguyên dân gian bắt đầu thờ tám vị tiên này chung một nhóm tại các quán đạo.

Hình 25: Bát Tiên Quá Hải

Truyện truyền kỳ phổ thông nhất về tám vị tiên này là bộ Bát Tiên Quá Hải. Tây Vương Mẫu vời tám vị tiên này về dự tiệc tại Dao Trì. Trong bữa tiếc cả tám vị uống rượu tiên tới say mèm. Tiệc tan, từ giã Tây Vương Mẫu, cả tám người ai dùng bửu bối của người nấy, vượt biển đông về hạ giới. Lý Thiết Quài, dùng một cây gậy sắt, Trương Quả Lảo cỡi con ngựa giấy, Lữ Đồng Tân dùng một ống sáo, Hàn Tương Tử ngồi trong một rỏ hoa, Lam Thái Hoà và Tào Quốc Câu ngồi chung một tấm bàn ngọc, Hà Tiên cô dùng một chiếc dù, Hán Trung Li dùng một chiếc quạt lông. Long Vương ở biển Đông có hai con là Ma Yết và Long Độc, theo rõi chuyến vượt biển đông hi hữu này, bèn lập mưu bắt được Lam Thái Hoà cướp tấm ngọc bàn. Bẩy vị tiên tức khác đuổi theo và lân phiên giao chiến anh em Ma Yết và Long Độc. Kết cục giết được Ma yết và đánh trọng thương Long Du. Để trả thù, Long Vương cầu cứu Long Vương

khắp bốn bể, nhưng cũng không thắng nổi bát tiên. Cuộc chiến kéo dài, Đức Như Lai và Phật Bà Quan Âm phải đứng ra dàn xếp, cuộc chinh chiến mới chấm dức. Bát tiên được người đời kính trọng vì không nhưng cả tám vị đều có tài cao tuyệt thế mà còn biết đồng tâm hiệp sức lo cứu nạn cho nhau.

Hình 26: Bát Tiên

Truyện truyền kỳ về chữ thọ thường nói tới nấm *linh chi,* một loại dược thảo giúp con ngường trở thành bất tử. Đây là một loại nấm, có tên khoa học là *Polyporus lucidus* rất được đông y coi trọng vì có phẩm chất dinh dương cao. Nấm này tiêu biểu cho thuốc trường sinh cũng như đặc tính hồi sinh cấp cứu. Theo truyền thuyết Dạo Giáo, nấm linh chi mọc tại đảo Bồng Lai ngoài biển Đông, nơi thần tiên ccu ngụ, và thuốc trường sinh nhiều như nước tù nhưng giếng ngọc ohun lên. Trên các tranh dân gian, nấn linh chi thương đi kèm với hình con hươu con hạc, nhưng hình tượng thông dụng tiêu biểu chữ thọ, để tạo thành

những hình tượng tiêu biểu cho *song thọ*thường thấy dùng trang trí trên tường các quán đạo. Trên nhiều bức khác, nấm linh chi thường kết hợp với hình cá trê, nguyên tiếng Trung Quốc đọc là *niên,* toàn bộ bức tranh đọc thành câu chúc tụng *niên niên như ý*.

Sau nấm linh chi, củ nhân sâm cũng được dùng tiêu biểu cho chữ thọ. Củ nhân sâm có hình thái tựa như hình người và có giá tri dược liêu rất cao, dùng làm thuốc chữa nhiều thứ bệnh và cũng dùng làm thuốc bổ.

Mỳ sợi dài cũng được người Trung Quốc lấy làm tiêu biểu cho chữ thọ. Có một hãng làm mỳ bán chạy nhất Trung Quốc lấy chữ thọ đặt tên cho mỳ họ sản xuất. Truyện kể rằng, dưới triều vua Đường Huyền Tôn, trong buổi khó khăn hoàng hậu phải đổi một tấm khăn lấy một bát mỳ dâng hoàng thương nhân dip sinh nhật. Cho tới ngày nay, người ta ăn mỳ vẫn kiêng không cắt ngang nhưng sợi mỳ vì tin rằng cắt ngang sợi mỳ là làm giảm đời sống.

Người Trung Quốc cũng như người Việt, không ăn mừng ngay sau khi có con chào đời, mà chờ cho con *đầy tháng*. Nhân dịp này người ta thường tặng cho đứa nhỏ hoặc một chiếc dây đeo cổ, gọi là *trường mệnh tỏa*, hoặc một chiếc khánh bằng kim khí khắc bốn chữ 長 生 百 □, *trường sinh bách tuế,* nghĩa là sống lâu trăm năm, đeo bằng một sợi giây năm mầu. Người ta tin rằng sợi giây năm mầu này có khả năng xua đuổi tà ma quấy phá đứa nhỏ. Ở Việt Nam, có nhiều gia đình cho đứa nhỏ đeo vào chân một sợi dây chuyền, bằng bạc hoặc bằng vàng, tùy gia cảnh, cũng có cùng ý nghĩa với sợi dây *trường mệnh tỏa.* Ngày nay, ngay tại Bắc Kinh, tục tặng cho trẻ sơ sinh một chiếc trường mệnh tỏa bằng đồng, nhân ngày đầu tháng vẫn còn thịnh hành.

Có hai linh vật tiêu biểu chữ thọ. Một là con hạc. Hạc là một giống chim chân dài cổ dài, hiện coi là một loài chim đang dần dần tuyệt giống. Tù lâu rồi hạc tiêu biểu cho chũ thọ. Trong thơ Đương có bài Hoàng Hạc Lâu nổi tiếng của Thôi Hiệu, kể

lại tích người tiên bất tử cỡi hạc về trời. Hạc được coi là một loài chim bất tử. Kệt hợp với cây thông thành bức tranh mang tên 鶴 壽 松 齡 ,*hạc thọ tùng linh,* biểu thị ước vọng được sống dai như hạc như tùng. Hình tượng hạc kết hợp với rùa, thành câu 龜 鶴 齊 齡 , *quy hạc tề linh* cùng ý nghỉa sống lâu như hạc như quy. goài ra hình ảnh một con hạc, đứng trên một tảng đá, trên mặt sông ngước nhìn vê phía mặt trời tiêu biểu cho ước vọng của người làm quan mong đạt được tới mức *nhất phẩm triều đình,* bởi hạc đươc coi là*nhất phẩm điểu, loài chim* đứng đầu hàng chim, và mặt sông tiêu biểu cho dòng nước thủy triều bởi chữ 潮 trong chữ thủy triều và chữ 朝 trong từ ngữ triều đình đọc như nhau trong tiếng Trung Quốc và trong tiếng Việt Nam.

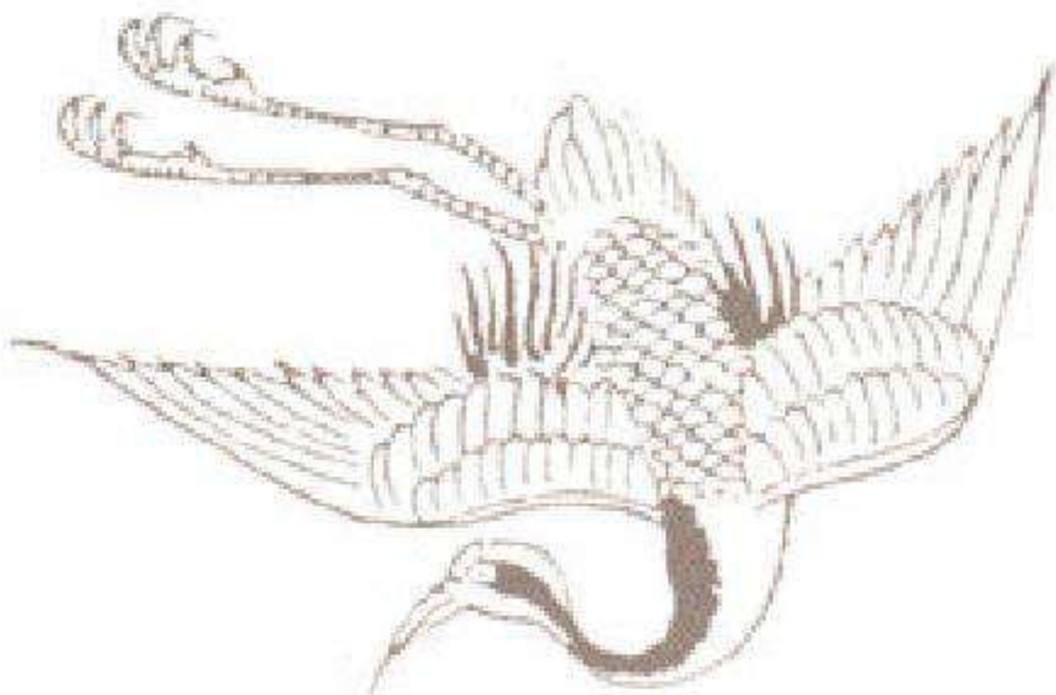

Hình 27: Hạc

Trong nhiêu truyện truyên kỳ, người thường biên thành hạc bay về cõi tiên. Trong tiểu thuyết Sưu Thần Ký, thời nhà Tấn, kể lại truyện người Đinh Linh Uy, ẩn cư tại núi Linh Hư, luyện linh đan, đắc đạo thành tiên, một ngàn năm sau biến thành con hạc trắng, bay về quê xưa, đậu trên cửa Đông, ngâm bài thơ dưới đây:

有 鳥 有　　丁 令 蔵
hữu điểu hữu điểu Đinh Linh Uy
去 家 千 年 今 始 回
khứ gia thiên niên kim thuỷ hồi
成 郭 如 故 人 民 非
thành quách như cổ nhân dân phi
何 不 學 仙 去, 空 伴 家 累 累
hà bất học tiên khứ, không bạn gia lụy lụy.

Dịch là:

Có chim có chim Đinh Linh Uy
Xa nhà ngàn năm nay quay về
Thành quách như xưa dân chẳng còn
Bằng chẳng học tu tiên thì nay đâu mang lụy.
Cánh hạc bay mất không về, nhưng bài ca còn truyền tới nay.

Sau hạc, rùa là một linh vật đứng thứ hai tiêu biểu chữ thọ. Tục truyền, người ta tìm ra những chữ Trung Quốc cổ nhất, khắc trên những mai rùa để dùng vào việc bói toán. Mu rùa chia ra làm hai mươi bốn khoảng, mỗi khoãng ứng với một trong hai mươi bốn tiết trong năm âm lịch. Hình tượng rùa thương kết hợp với hình tượng hạc để tạo thành hình tượng biểu thị chữ thọ.

囍 Song Hỷ

Chữ song là tiêu biểu cho một ngày trọng đại trong đời con người: ngày thành hôn, lấy vợ hoặc lấy chồng. Chữ song hỷ vì vậy thường liên kết với lời cầu chúc hạnh phúc cho đôi vợ chồng trẻ và rồi ra sẽ có con đàn cháu đống. Chữ song hỷ thường là hình ảnh trang trí trên các vật dụng hàng ngày như bát đĩa, bình hoa, và thông thường nhất là in trên giấy hồng điều, mang ý nghỉa những câu chúc tụng thông thường trong tiếng Trung Quốc như 白 頭 偕 老, *bạch đầu giai lão* đồng nghĩa với câu *bách niên giai lão* trong tiếng Việt Nam; hoặc 百 子 千 孫, *bách tử thiên tôn,* nghĩa là trăm con ngàn cháu. Hình tượng đôi vịt Bắc Kinh, bông hoa sen, trái lựu và Hỷ Thần cũng là những hình tượng tiêu biểu cho hạnh phúc lứa đôi, ước mong đông con nhiều cháu.

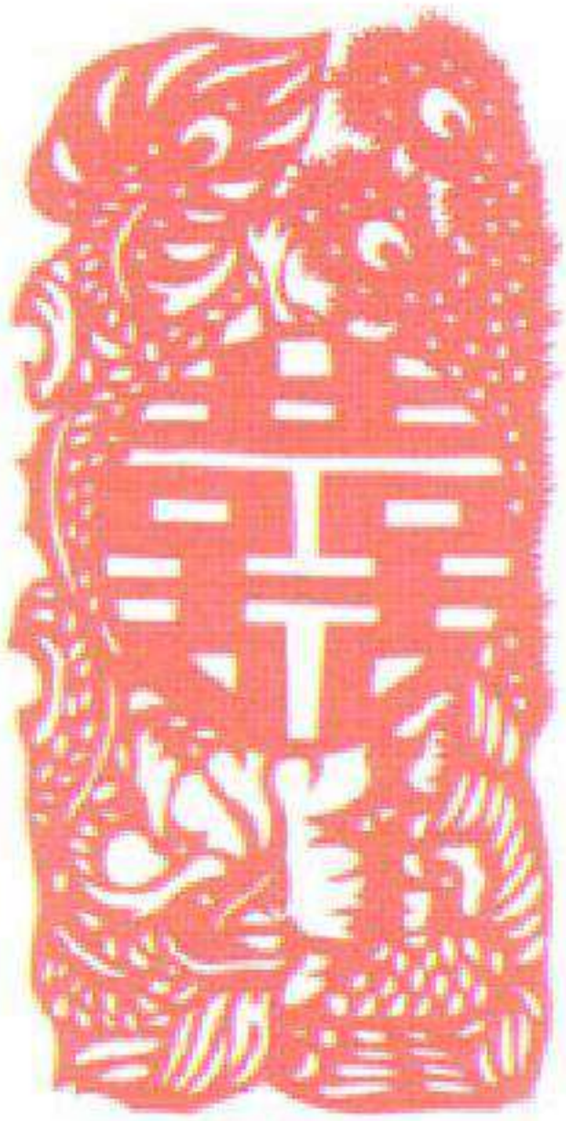

Hình 28: Song Hỷ

Người Trung Quốc vả cả người Đông Á thường dùng mầu đỏ và chữ song hỷ để trang hoàng phòng cô dâu, với tin tưởng rằng mầu đỏ mang lại yên vui cho cô dâu. Vậy nên từ đời Tống áo cưới cô dâu cũng dùng mầu đỏ. Chữ song hỷ cũng đi vào tập tục người từ đời Tống. Tục truyền là Vương An Thạch, khi ấy là một thanh niên đại tài, sau đó trở thành một vị thừa tướng lỗi lạc, đang trên đường về kinh đô thi hội. Gần tới kinh đô chàng thấy một đám đông tụ tập trước cửa nhà Mã đại gia. Hỏi ra mới hay là Mã ông hứa sẽ gã tiểu thư cho ai đối được vế câu đối treo trước cổng.

Vế câu đối đó như sau: [1]

走 馬 燈， 走， 熄 停 步

Tẩu mã đăng, đăng mã tẩu, đăng tức mã đình bộ

Vương An Thạch đọc vế câu đối, buột miệng khen hay. Nữ tỳ nhà họ Mã cung kính mời chàng vào gặp chủ nhân, vì đã sáu

tháng qua chưa có người nào đối được Nhưng Vương An Thạch phải vào kinh thi không trì hoãn được.

Kỳ thi dường như dễ hơn là Vương An Thạch hằng lo lắng. Quan giám khảo thấy chàng đặc biệt thông minh xuất sắc, muốn thử tài đối đáp của chàng, bèn ra một vế câu đối:

非 虎 旗 , 旗 虎 非, 旗 卷 虎 藏 身

phi hổ kỳ, kỳ hổ phi, kỳ quyển hổ tàng thân

So với vế câu đối của Mã đại gia, Vương An Thạch thấy hai câu đối nhau từng chữ. Chàng bèn đọc ra để đối câu của quan giám khảo. Quan giám khảo rất hài lòng.

Ra khỏi trường thi, Vương An Thạch lại đi qua nhà Mã đại gia, xin ra mắt để trình vế đối. Chàng đọc vế mà quan giám khảo đã ra cho chàng. Mã đại gia khâm phục, y lời gả con gái cho Vương An Thạch. Liền lúc đó, triều đình yết bảng vàng, Vương An Thạch đậu trạng nguyên. Hai tin vui đến cùng một lúc, người Trung quốc gọi là 雙 喜 臨 門, *song hỷ lâm môn*. Vương An Thạch cầm bút biết hai chữ hỷ liền nhau trên một tấm giấy hồng điều. Từ đó, có chữ *song hỷ* dùng biểu thị niềm vui mừng của hai họ trong ngày đám cưới. Cảnh Vương An Thạch, thi đỗ cưới vợ, trong tiếng Việt Nam là truyện mừng: đại đăng khoa liền tiểu đang khoa.

Trong năm phúc thần, *song hỷ thần* là vị phúc thần độc nhất không có hình tượng biểu thị cụ thể. Trong cổ tục Trung Quốc, hỷ thần là vị thần ban phát niềm vui cho cuộc sống, và thường xuất hiện nhân những dịp cưới hỏi. Trong lễ đón dâu, kiệu cô dâu, tùy theo tuổi tác và ngày cưới thường ra khỏi nhà gái, theo hướng do một thầy địa lý định trước, để *đón hỷ thần*. Đó là tục *nghênh hỷ thần*.Từ đời nhà Thanh, hướng nghênh hỷ thần ngày đám cưới thường in sẵn trong lịch hàng năm, tựa như tục xuất hành ngày tết Nguyên Đán tại Việt Nam. Tục nghênh hỷ thần ngày tết Nguyên Đán, đến gần nay vẫn còn tồn tại trong những xóm yên hoa tại Trung Quốc. Giới kỹ nữ là giới bị xã hội coi thường, nên ngày tết nhiều người không dám về gia đình chúc mừng cha mẹ gặp gỡ anh em. Chị em kỹ nữ

nhờ người đưa đi đón hỷ thần. Thường coi như gặp được hỷ thần nếu buổi xuất hành gặp được gà gáy, như vậy hy vọng suốt năm gặp may mắn, sức khỏe rồi rào. Tranh dân gian vẽ hỷ thần như một vị văn quan, một tay nâng một khay trên có chữ song hỷ một tay cầm hốt theo sau có một gã tiểu đồng.

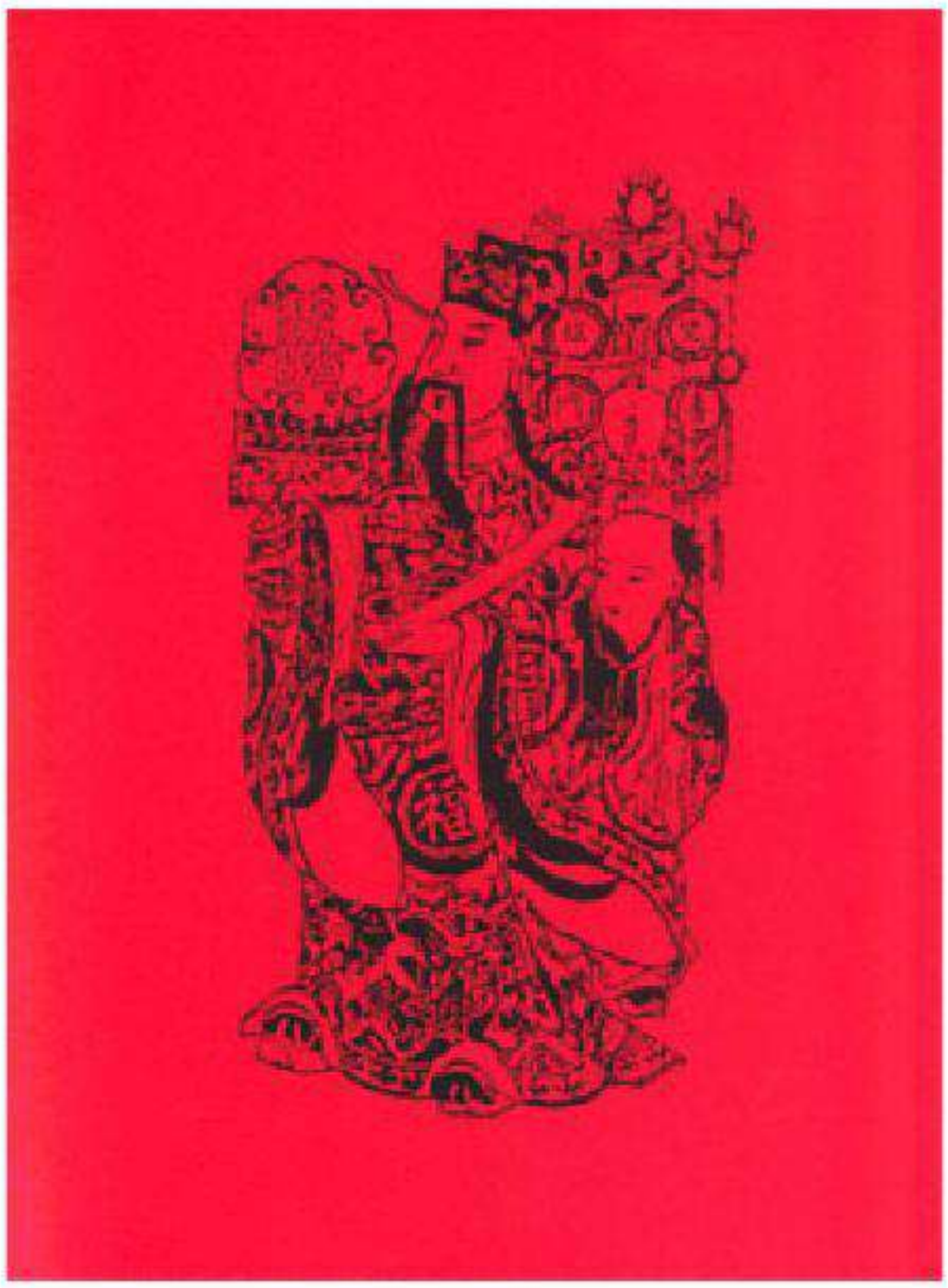

Hình 29: Hỷ Thần

Ngoài ra người Trung Quốc lấy nhiều vật khác để tiêu biểu phúc thần này. Trong tứ linh: long ly quy phương, con rồng là tiêu biểu cho chữ phúc, con rùa cho chữ thọ, còn lại con lân và con phượng, cả hai cùng kết hợp với chữ hỷ.

Hình tượng kỳ lân 麒 麟, hay nôm na hình tượng con lân thường có mình là mình con hươu, đuôi tựa như đuôi bò, có vẩy như vẩy cá, đầu có một sừng, chân năm ngón. Kỳ 麒 chỉ con đực, lân 麟 là con cái. Hình tượng kỳ lân xuất hiện vào thời Tần

Thủy Hoàng (221-206 trước công nguyên). Tại cửa chính nhiều nơi có trưng tương kỳ lân. Trong dân gian có bức tranh kỳ lân, mang danh là tranh 麒麟送子 *kỳ lân tông tử,* vẽ hình một hài đồng kháu khỉnh, tay cầm một cành hoa sen, tiêu biểu cho ước vọng hay lời chúc tụng có con đàn cháu đống. Cành hoa sen trong tay hài đồng tương trưng cho sự liên tục của dòng họ. Tranh kỳ lân tống tử vì vậy còn gọi là tranh 連生貴子, *liên sinh qúy tử*.

Hình 30: Kỳ Lân

Tiếp theo viẽc dùng hình tượng kỳ lân để tiêu biểu chữ hỷ, người Trung quốc dùng tới hình tượng song phụng. Phượng là vua mọi loài chim. Trên các món quà cưới thường có hình một cặp phượng hoàng: phương là biểu tuợng cho phái nữ và hoàng cho phái nam. Dùng cặp phương hoàng trong việc trang trí cung điện nhà vua, người thấy giường vua gọi là *long sàng;* xe của`hoàng hậu gọi là *phượng liễn.*

Người Trung quốc có truyện truyền kỳ về chim phượng như sau. Về thời Xuân Thu (770-221 trước công nguyên) có người Tiêu Sử có tài thổi sáo. Tiếng sao của chàng có khả năng thu hút cả đàn công cả đàn hạc trắng tới nghe trong sân nhà. Lộng Ngọc là con gái Tần Mục Công, nghe tiếng sáo cũng mê chàng. Được cha cho thành hôn cùng Tiêu Sữ, Lộng Ngọc được chồng dậy thổi sáo và nhại tiếng chim. Rồi một hôm có một con phượng lớn tới đậu trước nhà Tiêu Sử và Lộng Ngọc. Cặp vợ chồng cỡi trên lưng phượng bay biệt tích. Từ đó hình ảnh chim phượng, kèm người thổi sáo tiêu biểu cho truyện vợ chồng hoà hợp.

Hình 31. Phượng Hoàng

Hình ảnh quen thuộc nhất tiêu biểu cho chữ song hỷ là hình ảnh một đôi chim *thước* 鵲 鳥, nhiều tự điển dịch là chim khách. Tiếng hót của chim khách báo trước có khách tới chơi, hoặc có tin vui, hoặc có tiền vào. Bức tranh vẽ một con chim khách đậu trên một cành mai thường gọi là 喜上 眉 梢, đọc theo tiếng Trung quốc là*xi shang mei sha* vì chữ 眉 và *mei* chữ 梅 người Trung Quốc cùng đọc là *mei* nên chữ này có thể hiểu là *truyện vui trước mặt.* Theo truyền thuyết, chim khách bảo vệ

cảnh yên vui gia đình. Thế nên, nếu vì một lý do bất khả kháng, hai vợ chồng phải tạm xa nhau, họ thường đập một tấm gương vỡ làm hai mảnh, mỗi người giữ một nửa. Nếu người vợ phản bội, tức thì mảnh gương vỡ biến thành con chim thước đi báo cho người chồng. Thế nên mặt sau của những tấm gương thường có vẽ hình chim khách.

Hình 32: Đôi Chim Khách

Về chim thước còn có tryện truyền kỳ sau đây. Nguyên Chúc Nữ, con gái Ngọc Hoàng Thượng Đế, có việc dệt cửu trên thiên đình. Nàng sống bên bờ Đông sông Ngân, năm này qua năm khác dệt lua cho cha. Ngọc Hoàng gả nàng cho Ngưu Lang ở bên bờ Tây sông Ngân. Thành đôi vợ chồng, nàng trễ nải việc dệt lụa, khiên vua cha bất bình. Ra hình phạt nàng phải trở về bờ Đông sông ngân, và chỉ cho Ngưu Lang sang thăm, mỗi năm một lần, vào dịp tháng bẩy âm lịch. Và chỉ trong dịp này có đàn chim thước bay về sắp hàng thành nhịp cầu cho Ngưu Lang sang thăm Chúc Nữ. Thế nên giống chim thước con nào cũng trụi lông đầu đó là vết chân Ngưu Lang qua cầu chim thước. Gặp nhau, Chúc Nữ Ngưu Lang khóc lóc than khở nỗi nhớ thương xa

cách, thế nên dưới hạ giới xuốt tháng bẩy trời mưa Ngâu không ngớt.

Hình 33: Ngưu Lang Chức Nữ

Tiêu biểu cho chữ song hỷ, người Trung Quốc còn dùng hình ảnh một đôi uyên ương. Uyên ương là một giống chim hình dáng giống như con vịt, con đực gọi là*uyên* cổ có lông trắng và dài, con cái gọi là *ương,* không có lông mã, thường sống chung suốt đời, đi đâu cũng có nhau, nên người Đông Á lấy làm tiêu biểu cho cảnh vợ chồng hòa hợp. Trong nhưng bắc tranh dân gian vẽ cặp uyên ương thường kèm theo một bông sen, tiêu biểu cho ước mong sự hòa hợp lứa đôi được bền bỉ, vì hoa sen tiếng Việt Âm là *liên* 蓮, đồng âm với 連 có nghĩa là liền nhau. Thế nên nhưng tranh uyên ương kèm theo cành sen thường gọi là tranh uyên ương phúc lộc, tượng trưng lời chúc vợ chồng hoà

hợp trong một tương lai đầy phúc lộc. Hình tượng uyên ương xuất hiện từ đời nhà Hán (-220 – 220) Ngày nay nhưng cặp gối thêu, nhưng khăn hồng ngày cưới vẫn thường có thêu hình uyên ương.

Hình 34: Đôi Uyên Ương

Truyền thoại về cặp uyên ương là một truyền thoại rất cổ, xuất phát từ thời Trung Quốc còn dưới chế độ phong kiến. Quan đại phu Hồng Phụ nước Tấn từ quan trở về bản quán. Vốn thích mở mang, quan đại phu khởi công cho lập một khu lâm viên, và triệu Uẩn Ca tới cai quản công tác nay. Tới Thanh Minh năm sau, Uyển Ca nghe thấy tiếng người kêu cứu từ phía hồ sen. Chính là Ánh Muội tiểu thư con gái Hồng Phụ ngã xuống hồ. Không ngần ngại Uyển Ca nhấy xuống cứu. Nhưng không những không cám ơn Uyển Ca đã cứu con, Hồng Phụ còn buộc tội Uyển Ca đã là xúc phạm tới Ánh Muội mà tống giam chàng. Tới đêm, Ánh Muội tới ngục thất thăm ân nhân và tặng một tấm áo bào thêu tuyệt đẹp. Khi Hồng Phụ biết truyện, ông sai người

xé tan tấm áo bào của Uyển Ca, chói chặt chàng vào một tảng đá năng ném xuống hồ. Ánh Muội nghe tin này, nàng cũng lao mình xuống hồ. Sáng mai, người thấy một cặp chim lạ trên mặt hồ sen. Con đực có bộ lông rực rỡ con cái cũng rất xinh đẹp. Rồi đôi chim bay bổng lên trời. Người ta bảo đó là hồn Uyển Ca và Ánh Muội.

Ngoài đôi uyên ương người Trung Quốc còn dùng hình tượng một cặp cá chép để tiêu biểu cho tình yêu sự hòa hợp của một cặp vợ chồng. Đôi cá chép cũng là hình ảnh dùng làm quà đám cưới. Cá chép đẻ rất nhiều trứng, nên cũng là hình tượng tiêu biểu cho ước vọng có đông con nhiều cháu. Người Trung Quốc có thành ngữ: *như ngư đắc thủy,* giống như tục ngữ *như cá gặp nước* của người Việt Nam, để mô tả cảnh thong dong gặp may mắn trong đời sống. Hình ảnh cặp cá chép tiêu biểu cảnh sống hạnh phúc đó.

Hình 35: Đôi Cá

Thay thế cho Song Hỷ Thần, người Trung Quốc có Hoà Hợp Thần, hai vị thần bảo trợ cho sự hòa hợp trong gia đình. Trên các bức tranh dân gian, có hình tượng Hàn Sơn tươi cười, trong tay có một chiếc hộp tròn, và hình tượng Thiệp Đắc tay cầm một cành hoa sen. Chữ 盒, chỉ cái hộp, tiếng Trung Quốc đọc là *hé*, và chữ 荷 chỉ bông hoa sen, cũng đọc là *hé*. Gồm cả hai hình ảnh thành từ ngữ 和 諧 (hoà hài) hay 和 好 (hoà hảo).

Hình 36: Hòa Hợp Nhị Tiên

Bức tranh dân gian trên đây minh họa truyền thuyết về hai vị Hoà Hợp Thần. Cả hai cùng là người đời nhà Đường. Hàn Sơn và Thiệp Đắc là hai vị hoà thượng. người cùng làng, quê quán tại một làng nhỏ ở miệt Bắc Trung Quốc, và thủa trẻ là

một đôi bạn thân, như hai anh em. Hai người cùng yêu một cô gái cùng làng.Khi Hàn Sơn nghe tin bạn sắp cưới cô gái, liền tức thời bở làng đi Tô Châu xin xuống tóc đi tu. Biết đươc tin đó, Thiệp Đắc, bỏ vụ cưới vợ, mang một cành hoa sen đi tìm Hàn Sơn. Gặp lại bạn, Hàn Sơn vui mừng, đưa biếu Thiệp Đác cái hộp tròn trong có bữa cơm chay. Hai người mừng rỡ ôm lấy nhau. Thiệp Đắc cũng xuống tóc. Sau đó hai người cùng tu lên tới bậc hoà thượng.

Tranh dân gian có bức Tứ Hỷ Oa, tương truyền xuất phát từ đời nhà Minh (1368-1644). Tranh vẽ hai hài đồng tươi cười dính liền vói nhau bằng lưng, nhưng nhìn kỹ thấy như có bốn hài đồng. Bức họa tương trưng niềm ước mong một cuộc sống lứa đôi hoà hợp hạnh phúc có con đàn cháu đống, và thường dùng làm quà đám cưới hay quà tạng nhân dịp lễ ăn đầy ntháng trẻ sơ sinh. Bức tranh minh họa truyền thuyết sau đây.

Hình 37: Tứ Hỷ Oa

Dưới thời đầu triều Minh, có một thần đồng ra đời tại Cát Thủy, tỉnh Giang Tây, tên là Giải Tấn. Mới tròn năm tuổi đã

thuộc lầu Tứ Thư và Ngũ Kinh. Hoàng đế biết tiếng, bèn triệu vào hoàng cung để khảo hạch. Giải Tấn vượt qua cuộc khảo thí chẳng chút khó khăn, và được đặc biệt cho đỗ tú tài, và trở về Cát Thủy theo học thêm tại Huyện Học Niệm Thư. Một trong những giáo luận tại trường coi Giải Tấn còn quá trẻ nên ông muốn thử tài. Một hôm ông đòi học sinh vẽ một cảnh tiêu biểu cho viêc được mùa năm đó. Giải Tấn nộp bức vẽ kèm thêm bốc chữ: 如 意 靈 芝, *như ý linh chi.*thầy giáo luận không vừa ý, Giải Tấn vẽ một bức khác và đề bốn chữ 迎 福 納 吉, *nghênh phúc nạp cát,* thầy giáo luận vẫn coi là thiếu ý mới. Giải Tấn cảm thấy thầy giáo luận như cố ý làm khó, chàng liền vẽ bức 四 喜 合 局, *tứ hỷ hợp cụ* ,gồm bốn hài đồng liền lưng với nhau. Thầy giáo thụ hỏi: tứ hỷ gồm nhưng gì? Giải Tấn thưa:

久 早 逢 甘 雨
Cửu tảo phùng cam vũ
他 鄉 遇 估 知
Tha hương ngộ cố tri
洞 房 花 燭 夜
Động phòng hoa chúc dạ
金 榜 題 名 時
Kim bảng đề danh thì.

nghĩa là:

Hạn hán gặp mưa lớn
Xa quê gặp người quen
Đuốc hoa đêm động phòng
Bảng vàng ngày đề tên

là bốn điều vui trong đời người. Đó chính là giấc mộng của mọi người nam Trung Quốc. Từ đó thầy giáo luận không thử thách Giải Tấn nữa.

Người Trung Quốc còn dùng nhiều hoa quả để tiêu biểu cho hỷ thần. Thông dụng nhất là trái *táo*, đọc theo tiếng Trung Quốc đồng âm với chữ *đáo*, nghĩa là tới. Người Trung Quốc thời xưa, người làm nghề nông luôn luôn ước mong được đông

con nhiều cháu, hay cháu con sớm thành đạt; người buôn bán ước mong phát tài, nên quả táo, tiêu biểu cho ước vọng: 早 生 子, *tảo sinh tử,*nghĩa là sớm sinh con; hoặc 早 發 財 , *tảo phát tài,* nghĩa là sớm phát tài. Trái táo bày chung với trái long nhãn tiêu biểu cho câu 早 生 貴 子, *tảo sinh qúy tử,* nghĩa là sớm sinh quý tử, sau này làm quan, vì trái long nhãn biểu hiệu cho chữ quý.

Sau trái táo, người ta thường dùng trái hạt giẻ. Hạt giẻ trong tiếng Trung quốc là 栗 子, *lật tử,* đồng âm với hai chữ 立 子, *lập tử,* ước vọng của những ai muốn lập gia đình. Kết hợp trái táo với trái hạt giẻ, biểu thị lời chúc tụng sớm có con, vì chữ *táo*, như trên đã nbói đồng âm với chữ *tảo,* nghĩa là sớm. Ngoài ra chữ lật 栗 trong tiếng Trung Quốc đồng âm với chữ 禮 *lễ,* một đức tính mà người Trung Quốc coi trọng trong việc cư xử.

Đậu phọng hay lạc tiếng Trung Quốc viết là 花 生. Cũng như trong tiếng Việt Nam, chữ sinh còn có nghĩa là sinh con đẻ cái, nên lạc biểu thị lời cầu chúc đông con nhiều cháu. Trái dưa, 瓜 vốn nhiều hạt, tiêu biểu cho ước mong đông con nhiều cháu, và cũng bởi trong tiếng Trung Quốc chữ 瓜, *qua*, đồng âm với chữ 娃, *oa* hay còn đọc là *uyên* nghĩa là đứa hài đồng. Để tăng phần hạnh phúc, người ta thường nhuộm đỏ hạt dưa. Cùng một ý nghĩa, trái lựu, có nhiều hạt, cũng tiêu biểu cho ước mong con đàn cháu đống. Mâm quả gồm trái đào trái phật thủ và trái lựu, thường gọi là mâm quả *tam đa: đa phúc, đa thọ và đa tử.*

Thời xưa, sau tiệc cưới, tiễn khách ra về, người ta thương lại quả cho khách vài trái trứng nhuộm đỏ, gọi là 紅 蛋, *hồng đản.* Tục này, theo truyền thuyết phát xuất từ thời Tam Quốc, trong thời gian hai nước Ngô và Thục liên kết chống lại nước Ngụy. Tuy nhiên nước Thục chiếm một phần đất Kinh Châu không chịu trả lại cho nước Ngô. Chu Du, tướng nước Ngô lập mưu chiếm lại Kinh Châu, hứa gả công chúa Đông Ngô là Tôn Thượng Hương cho Lưu Bị, và mời Lưu Bị sang Đông Ngô, rồi giữ Lưu Bị làm con tin để ép trả lại Kinh Châu. Nhưng Gia Cát

Lượng, thừa tướng nhà Thục, đoán được kế của Chu Du, dùng kế*hồng đán*. Lưu Bị sang Đông Ngô, mang theo rất nhiều trứng nhuộm đỏ để tặng cho mọi người mà ông gặp bên Đông Ngô. Tin Lưu Bị thành phò mã Đông Ngô lan truyền nhanh chóng, khiến Chu Du không dám thi hành quỷ kế bắt Lưu Bị làm con tin để ép Lưu Bị trả lại Kinh Châu được. Lưu Bị lấy được vợ, không mất đất Kinh Châu. Từ đó việc dùng hồng đán lại quả sau tiệc cưới thành thông dụng trong dân gian.

Theo truyền thống Á Đông, người thường đốt pháo, để xua đuổi tà ma, để đón chào năm mới, để biểu lộ niềm vui, nên thường đốt pháo vào dịp đầu năm, để đón mừng một năm mới, một niềm hy vọng mới, cũng như trong dịp đám cưới khi cô dâu về tới nhà chồng. hay khi khai trương một cơ sở buôn bán làm ăn mới. Tục đốt pháo bắt đầu từ đời nhà Đường: người ta nhồi thuốc nổ vào trong ống tre để làm pháo. Sang đời Tống, người quấn thuốc nổ trong nhưng lớp giấy, thay thế cho đốt tre thành một cái pháo. Kết nhiều cái pháo thành tràng pháo hay bánh pháo. Giấy làm pháo thường nhuộm đỏ, mầu hy vọng, mầu tết Nguyên Đán của người Đông Á. Hình ảnh một người đốt pháo từ lâu vẫn là hình ảnh niềm vui đón xuân.

Truyện xưa kể rằng, tại một vùng núi xa xôi, có một con quỷ tên là niên 年, cũng là chữ để chỉ thời gian:*năm tháng*. Con quỷ này chỉ hiện ra dọa nạt dân chúng vào buổi chiều ngày mùng một Tết. Người ta tìm cách xua đuổi mà không được. Lâu dần người ta nhận ra là quỷ, sợ tiếng nổ, sợ ánh lửa và sợ mầu đỏ. Đằng khác, người ta lại nhận ra là mang đốt nhưng đốt trúc khi gây ra được tiếng nổ lớn. Từ đó người ta phát minh ra cái pháo và đốt pháo để xua đuổi tà ma, đồng thời để biểu lộ niềm vui người ta thích gây ra tiếng động, thí dụ khi hài lòng người ta thường vỗ tay. Từ đó có tục đốt pháo để bày tỏ niềm vui.

財 Tài

Trong tiếng Trung Quốc, chữ *tài* 財, phiên âm là*cái*, biểu thị cảnh giầu có vì buôn bán phát đạt. Chữ *lộc* 祿 trong tiếng Trung Quốc biểu thị sự thăng tiến địa vị xã hội, khác hẳn với chữ tài biểu thị sự sinh lợi tiền bạc .

Lộc thần dường như được coi trọng hơn là thần tài. Phải chăng vì tài thần bảo hộ giới buôn bán và lộc thần che chở cho kẻ sĩ ra làm quan? Ngược lại, trong dân gian thì ông thần tài lại được nhiều người van vái hơn ông lộc thần: tại nhà riêng, tại tiệm buôn, quán hàng, ở đâu cũng thấy bàn thờ thần tài. Có hai vị thần tài, một vị là quan văn một ông là quan võ. Vị thần tài văn quan tên là Bỉ Can, vị thần tài võ tướng là Triệu Công Minh.

Hình 38: Thần Tài Võ Tướng Bỉ Can

Bỉ Can nguyên là chú của vua Trụ, vị hôn quân tàn ác nhất lịch sử Trung Quốc và là vị vua cuối cùng nhà Thương (1600-1027 trước công nguyên). Ông là một người tài đức, hết lời căn ngăn vua, nhưng không những vua Trụ không nghe mà còn đòi moi tim Bỉ Can ra xem vì vua nghe nói là tim người hiền có bẩy lỗ. Bĩ Can tự tay móc tim cho vua Trụ xem, nhưng ông không chết vì đã uống thuốc trường sinh bất tử. Ông chán nản bỏ đi, mang tài sản ra phân phát cho nhân dân. Nhân dân tôn làm thần tài, đời đời khói hương thờ phụng.

Hình 39: ThầnTài Văn Quan Phạm Lãi

Vị thần tài, gốc văn quan thứ hai, là Phạm Lãi, người nước Việt thời Xuân Thu. Ông xuất thân là một nhà đại phú thương nhờ có tài kinh doanh. Phạm Lãi đắc lực giúp Việt Vương Câu Tiễn đánh bại quân nước Ngô lấy lại được ngôi vua. Đến ngày

Câu Tiễn tưởng thưởng công thần, Phạm Lãi bỏ nước Việt sang nước Tề sống đời ẩn dật, khai khẩn trồng trọt và lại trở nên một đại phú gia. Nhưng Phạm Lãi không màng cả tài lẫn lộc, ông thường mang tiền của ra giúp người nghèo khổ cùng bạn bè bà con. Lòng rộng lượng của ông đã khiến người đời suy tôn làm thần tài.

Hình 40: Thần Tài Võ Tướng Triệu Công Minh

Triệu Công Minh là vị thần tài gốc võ tướng, tu tại vùng núi Nga My, từng đắc đạo thành tiên. Ông nghe lời mời của vua Trụ nhà Thương ra làm tướng. Vua sai ông đem quân giao chiến với quân của Vũ Vương nhà Chu có Khương Tử Nha làm quân sư. Quân của Khương Tử Nha thắng trận, tịch biên tài sản của Triêu Công Minh. Triệu Công Minh phải lui về núi thế thủ. Khương Tử Nha làm phép, bện rơm thành hình nộm Triêu Công Minh, và trong hai mươi ngày liền sai quân bắn tên gỗ đào vào mắt vào ngực hình nộm. Triệu Công Minh đuối sức dần dần rồi chết. Sau khi diệt được nhà Thương, Khương Tử Nha khao

quân, phong tước cho cả các tử sĩ. Biết Triệu Công Minh là người đáng trọng, ông phong cho Triệu Công Minh làm thần tài với bổn phận phân phối tài sản cho công bình và hợp pháp.

Hình tượng tiêu biểu thực tế cho chữ tài là đồng tiền. Tiền đồng lưu hành tại Trung Quốc từ đời Chiến Quốc (480-221, trước công nguyên) Đồng tiền hình tròn ở giữa có một lỗ vuông. Hình tròn tiêu biêu cho Trời, hình vuông tiêu biêu cho mặt đât, đồng tiền là hình tương tiêu biểu cho ước mong giầu có phát đạt. Trên mặt đồng tiền thường khắc bốn chữ như 長 命 富 貴 , *trường mệnh phú quý,* nghĩa là sống lâu giầu bền, hay 吉 祥 如 意 *cát tường như ý,* nghĩa là may mắn toại ý. Trên cửa chính nhiều thương điếm thường có trạm hai đồng tiền, tiêu biểu cho ước mong thần tài che chở cho việc buôn bán của gia chủ. Hình tượng một sợi giây nối hai đồng tiền tiêu biểu cho hai chữ 連 錢 *liên tiền*, như một lá bùa phù hộ cho việc buôn bán. Lỗ đồng tiền gọi là 眼, *nhãn* nghĩa là con mắt. Kết hợp chữ tiền 錢 đồng âm với chữ 前, nghĩa là *trước*, thành từ ngữ 眼 前, *nhãn tiền*, nghĩa là trước mắt. Trong ý nghĩa đó, người ta có thể kết hợp được nhiều hình tượng tiêu biểu cho những ước mong khác với đồng tiền để có một câu cầu chúc mới, tỷ như kết hợp hình con chim thước, tượng trưng chữ *hỷ,* ngậm đồng tiền thành lời cầu ước 喜 在 眼 前, *hỷ tại nhãn tiền,* nghĩa là cái vui trước mắt.

Chữ *tài* thường đi sau chữ *phát,* thành từ ngữ *phát tài*, một ước mong hay một lời chúc tụng thông dụng trong giới doanh thương. Trong tiếng Trung Quốc, chữ phát đồng âm với chữ 八 chỉ số 8. Thế nên có câu: 要 得 發, 不 離 八, *yếu đắc phát, bất ly bát,* nghĩa là muốn được phát, chẳng dời bát (số 8). Thế nên bảng số xe, số điện thoại của nhiều thương gia người Trung Quốc thường chọn lựa, dầu phải trả thêm nhiều tiền, miễn sao cho có số 8 hay nhiều số 8. Cùng một lý do, Thế Vận Hội Bắc Kinh khai mạc vào lúc 08 08 chiều ngày 8 tháng 8 năm 08.

Dưới triều nhà Minh, người ta thường dùng tám biểu tượng Phật Giáo để trang trí đồ sứ, và y phục. Tam biểu tượng đó gọi

chung là Bát Cát Tường gồm: Pháp Luân, Pháp Loa, Bảo Tản, Bạch Cải, Liên Hoa, Bảo Bình, Kim Ngư và Bàn Trường.

Hình 41: Bát Cát Tường

Tranh dân gian có bức mang tên 劉 海 戲 金 蟾 *Lưu Hải hý kim thiềm,* dùng làm tranh thần tài. Theo truyền thuyết đạo Giáo, Lưu Hải là một nhân vật thời Ngũ Đại, là người nghĩ ra việc đúc tiền cho dân chúng tiêu dùng. Trong tranh Lưu Hải hai tay cầm một xâu tiền dưới chân có con cóc ba chân gọi là Kim Thiềm. Con cóc này là cóc thần, có thể đưa Lưu Hải tới bất nơi nào. Nhưng cóc thần có tật ẩn dưới đáy giếng sâu, mỗi lần Lưu Hải muốn gọi cóc, phải dùng một xâu tiền vàng, thì cóc mới chịu ra khỏi giếng.

Nhiều đời sau, tại Tô Châu, có một thiếu niên tên là A Bảo, tới gõ cửa nhà đại phú thương gia Bối Hoành Văn, xin làm gia nhân. Được thâu nhân, A Bảo trở thành một người làm thân tín. Khi Bối Hoành Văn tính tiền công cho A Bảo, thì A Bảo lễ phép khước từ. Thêm truyện lạ là A Bảo có thể không ăn mấy ngày

liền. Tối một bữa A Bảo kéo nước thì kéo từ đáy giếng lên được một con cóc ba chân. Mừng như điên dại, A Bảo chơi với con cóc bằng một sợi dây ngũ sắc. A Bảo nói với Bói Hoành Văn là hắn đã tìm lại được con Kim Thiềm lạc mất cả năm qua. Cả làng tới xem Kim Thiềm. Giữa đám người làng, A Bảo vác Kim Thiềm lên vai rồi bay lên mây biệt tích. Người làng cho rằng A Bảo là hậu thân của thần tài Lưu Hải, giả danh làm A Bảo đi tìm Kim Thiềm. Tìm được lại trở về trời.

Hình 42: Lưu Hải Hỳ Kim Thiềm.

Chữ *cóc vàng* của người Việt Nam cũng phát xuất từ điển này.

Người Hoa Kỳ thường nói *Mỹ Kim không mọc trên cây* để mô tả cảnh phải ra sức làm lụng mới có được mỹ kim. Người Trung Hoa, có búc tranh khôi hài 搖 錢 樹 *Diên Tiền Thụ*, nghĩa la bức tranh Rung Cây Tiền, vẽ một thân cây cành mang những xâu tiền thay quả, thêm những đồng tiền lớn nhỏ thay

hoa, quanh gốc có đủ loại người già trẻ lớn nhỏ giầu nghèo sang hèn, như đứng chờ tiền rụng.

Hình 43: Diên Tiền Thụ

Đầu năm, đón xuân, người Đông Nam Á thường dùng những chậu quất, hay văn hoa hơn gọi là Kim Quất. Chữ *quất* 橘 người Trung Quốc coi như đồng âm với chữ *cát* 吉, nghĩa là tốt đẹp may mắn, nên nhiều tranh dân gian viết hai chữ 大 利 *đại lợi* lên trên hình một trái quất. Toàn thể bức tranh bây giờ là lời chúc tụng hay hy vọng ước mong được bốn chữ 大 吉 大 利, đại cát đại lợi, nghĩa là may mắn lớn thu nhiều lợi nhuận. Trên mâm quả bày hai trái thị cùng với trái quất là lời chúc hay lời cầu xin 事 事 大 吉, *sự sự đại cát,* nghĩa là mọi

sự tốt đẹp, bởi với người Trung Quốc, chữ 事 đồng âm với chữ 柿 thị.

Đêm ba mươi tết, tại miền bắc Trung Quốc có tục ăn 交 子, *giao tử* để đón giao thừa, bởi chữ 子 *tử* và chữ 承 *thừa* đồng âm trong tiếng Trung Hoa . Giao chi trông giống như một miếng vằn thắn, nhân thịt và rau, hoặc tôm gói trong một miếng giấy làm bằng bột. Tại các vùng Thượng Hải, Hàng Châu và Tô Châu, người ta dùng thêm lòng đỏ trứng làm miếng giao chi đổi sang mầu vàng, trông giống như một thoi vàng. Lại có tục bỏ một đồng tiền trong một miếng giao chi, người nào gắp được miếng giao chi đó thì năm tới may mắn phát tài cả năm. Tục này có từ đời nhà Tống, và tới nay còn thịnh hành tại miền Bắc Trung Quốc.

Ngày Tết người Đông Á có tục cho con cháu tiền mừng tuổi, để trong một phong bì đỏ mầu đỏ. Phong bì đỏ này người trung quốc gọi là 紅 包, *hồng bao,* và họ tin rằng đó là điều ước mong con cháu khỏe mạnh học hành tiến tới suốt năm. Tục dùng hồng bao ngày tết, theo nhiều người cho biết xuất xứ từ giai thoại dưới đây.

Ngày xưa, có một con yêu tinh, tên là Tuế, hàng năm cứ đến đêm trừ tịch lại hiện ra làm hại dân chúng. Yêu tinh chờ cho trẻ em ngủ say mới hiện ra, mặc áo toàn đen, chỉ để hở đôi bàn tay và cái mặt trắng, vào từng nhà sờ đầu nạn nhân. Nạn nhân đều là bọn trẻ, sợ hãi khóc ré lên, phát sốt thật cao, rồi nói mê nói xảng. Đến khi hết sốt, đứa bé thành ra khùng khùng. Rồi tới một lần, có một em nhỏ chơi với một tờ giấy đỏ và tám đồng tiền, hết gói lại rồi mở ra cho tới lúc ngử gục, miếng giấy đỏ và tám đồng tiền còn bên gối. Bỗng có một cơn gió mạnh, làm cửa bật mở, ngọn đèn tắt phụt. Yêu tinh Tuế hiện ra bên giường, đưa tay sờ đầu em nhỏ, nhưng bất thình lình có một tia sáng từ tờ giấy đỏ bên gối em nhỏ vụt sáng, Yêu tinh sợ hãi biến mất. Từ đó thành tục, đêm ba mươi tết, trẻ em được thức cùng cha mẹ đón giao thừa, được mừng tuổi một túi hồng bao để trừ tà rồi mới đi ngủ.

Vẽ cá là một ngành hội họa cổ điển của Trung Quốc. Tranh dân gian Trung Quốc vào dịp tết cũng có nhiều bức vẽ cá, bởi chữ 魚, *ngư* nghĩa là cá, đọc gần giống chữ 餘 *dư* nghĩa là nhiều.

Hình 44: Liên Niên Hữu Dư

Bức tranh con cá ngày tết vẽ một em nhỏ tay cầm một bông sen tay ôm con cá mang ý nghĩa lời mong ước: 連 年 有 餘, *liên niên hữu dư,* nghĩa là năm này liền năm tới được sống dư dật, bởi chữ liên 蓮 liên nghĩa là hoa sen đồng âm với chữ liên 連 là liền và hình con cá gợi lên chữ 魚 ngư đồng âm với chữ chữ 餘 dư. Gỡ cá mời khách ngày tết, người ta thường để lại xương cá nguyên vẹn, liền với đầu cá và đuôi cá, vì đó là điềm gia chủ làm ăn hanh thông, đầu xuôi đuôi lọt cả năm.

Hình 45: Cá Vàng

Có nhiều người thích nuôi cá vàng. Tiếng Trung Quốc gọi cá vàng là 金 魚, *kim ngư*. Vì chữ *ngư* 魚 đông âm với chữ *dư* 餘, nên con cá vàng tiêu biểu cho sự giầu có đến mức trong nhà có dư vàng. Tranh dân gian ngày tết vẽ một em nhỏ, tay cầm cành hoa sen bơi cùng đàn cá vàng là một bức tranh được nhiều người ưa chuộng. Bông sen còn đọc là *hà* 荷 trong tiếng Trung Hoa rất gần với chữ 和 *hoà,* nên toàn bộ bức tranh nói lên lời chúc tụng có dư vàng trong nhà, có thêm con, lại có sự hoà hợp cả năm>. Chữ ngư 魚, trong tiếng Trung Quốc còn đồng âm với chữ 玉 ngọc. Thế nên một bầy cá vàng gợi lên ý chúc tụng 金 玉 滿 堂, *kim ngọc mãn đương,* nghĩa là vàng ngọc đầy nhà.

Gần đây, tại nhiều cửa hàng Trung Quốc, thường bày một con mèo vàng, dơ một tay lên đu đưa như chèo mời khách qua lại vào tiệm mua hàng. Con mèo này có tên là 招 財 貓, *chiêu tài miêu*, có nghĩa con mèo chiêu khách. Con mèo này nguyên gốc của người Nhật Bản, nhưng trở thành một hình ảnh của một thương quán thịnh vương ở Trung Quốc cũng như khắp cõi đông Á.

Hình 46: Chiêu Tài Miêu

DANH NGÔN HAY VỀ HẠNH PHÚC

Hạnh phúc lớn nhất trên đời là niềm tin vững chắc rằng chúng ta được yêu – được yêu vì chính bản thân, hay đúng hơn được yêu bất chấp bản thân ta.

The greatest happiness in life is the conviction that we are loved – loved for ourselves, or rather, loved in spite of ourselves.

Thành công và hạnh phúc nằm trong bạn. Quyết tâm hạnh phúc, và niềm vui sẽ đi cùng bạn để hình thành đạo quân bất khả chiến bại chống lại nghịch cảnh.

Your success and happiness lies in you. Resolve to keep happy, and your joy and you shall form an invincible host against difficulties.

Helen Keller

Làm điều bạn thích là tự do. Thích điều bạn làm là hạnh phúc.

Doing what you like is freedom. Liking what you do is happiness.

Frank Tyger

Cuộc sống trở nên khó khăn hơn khi chúng ta sống vì người khác, nhưng nó cũng trở nên đẹp đẽ và hạnh phúc hơn.

Life becomes harder for us when we live for others, but it also becomes richer and happier.

Albert Schweitzer

Thành công không phải là chìa khóa mở cánh cửa hạnh phúc. Hạnh phúc là chìa khóa dẫn tới cánh cửa thành công. Nếu bạn yêu điều bạn đang làm, bạn sẽ thành công.

Success is not the key to happiness. Happiness is the key to success. If you love what you are doing, you will be successful.

Albert Schweitzer

Không ai có thể hạnh phúc mà không có bạn bè, hay chắc chắn về bạn bè mình cho tới khi gặp bất hạnh.

No man can be happy without a friend, nor be sure of his friend till he is unhappy.

Thomas Fuller

Tiền có nghĩa lý gì nếu nó không thể mua hạnh phúc...

Người hạnh phúc là người lắng nghe; kẻ bất hạnh là kẻ thổ lộ.

Happy is the hearing man; unhappy the speaking man.

Ralph Waldo Emerson

Cứ mỗi ngày tôi lại càng tin rằng sự lãng phí cuộc đời nằm trong những tình cảm chúng ta không cho đi, sức mạnh chúng ta không sử dụng, sự thận trọng ích kỷ không dám mạo hiểm điều gì và lẩn tránh nỗi đau, cũng đồng thời để lỡ hạnh phúc.

Every day I live I am more convinced that the waste of life lies in the love we have not given, the powers we have not used, the selfish prudence that will risk nothing and which, shirking pain, misses happiness as well.

Khuyết danh